APG HOANG 202

居塵樂道
得趣林泉

(19)



LES GOÉLANDS

MARQUE DÉPOSÉE

CAHIERS LIC NF 67 SCOLAIRES

N° 104

chữ nôm lạ:

vì 彼 1a.

比不 = 彼庄

về [illegible] 米亍 7a.

皈命 = về mình [illegible]

mới

某 7a

sai 舍賴 ? 7a

mấy 迈 7b.

trai 杷 7a

mùi 某 7b, 8a

nhẹ 二 7b, 8a

được 但 ? 8b

rễ 哩 chái chấu ga.

phải 沠 11

ARC HOANG 103

Về Huệ năng có 三藏 48 / số 2007 / tr 337

清規 xem Tam tg. q. 48, số 2025 勅修百丈清規 (tr 1109)
chép lại đời 元 至元二年

1. Nết = 𣃣 chữ ký phải nết

2. 𢒎: nết dụng: có lẽ đã đảo đi đổi cho cân Dụng: làm, thi hành

3. Lãng 朗 chữ nôm sau này có chỗ có thể đọc sáng. xem 6

4 Rồi 耒 = rồi, thong dong Thế-tính

用 dụng = làm

5 Dừng 停: có thể đọc đình

6 Lãng xem 3 — Dầu: 油: mặc dầu — Thớt 㖃: nói, đây nghĩa ví.

8 Nâng: thường có — Mộ 某: trong có nghĩa: lượng ít, chút, mấy, mẩy...

耒 rồi = nhàn

Đ: mẩy đọc ra mấy. Thí dụ xưa có nhiều:

chủ 主. Đ đọc chú chữ bạch đọc bạc có theo ví 26, chữ 白 có thể đọc bạc

9 Nguyệt bạch vừng thanh 白...青. Đ đọc bạc và xanh. Nhưng chữ xanh ở vế 7 (non xanh) viết 撑 chính âm là xanh)

Vừng là hiện tượng chung quanh mặt trăng (và mặt trời) —

4 Chữ 祖 nôm xưa, âm T và biến âm CH cũng thấy ở chữ chọn viết 撰 (tuyển). Ngày nay viết 𢷮. — Thêm là:

10 Mềm 綿 nôm xưa, nay viết 𦁼. — Ngất 屹: tột cao ở trên

Sâm-lâm 森林 chính nghĩa là um-tùm bao la, đây nghĩa bao trùm khắp. Với âm lâm, vế này trùng vần

某 mộ = ít

với vế 2. Nhưng theo ý tác-giả thì sâm lâm là tiếng nôm, còn sơn lâm ở trên là tiếng chữ.

11. Đan thần: thuốc uống để thành người tiên: đổi xương nặng ra xương nhẹ để bay lên

12. Thuốc thỏ còn đâm: cùng nói về thuốc tu tiên, lấy tích con thỏ dã thuốc trên trăng. Đ đọc thuốc quỷ còn đam

綿 mềm

có lẽ vì bản V đã làm chữ thỏ 兎 ra chữ quỷ 鬼 ~~chữ đam 耽 ra chữ~~

13 Tính lãng 性朗. Xem 3 và 6. Đ đọc sáng

14 Đọc dấu 讀酉 đọc một cách thích yêu. Đ đọc: đọc sách

kinh nhài 經閑: có lẽ từ Kinh Phật-giáo

có lẽ vì bản V làm 酉 dấu ra 冊 mà bản cũ viết 册 (như trong sách Dịch). Để cân đối thì đọc dấu đối với xem chơi là cân. — Lòng rồi: xem 4 — Nhữ 女 cũng là nhủ đọc âm khác. Tiếp ta có một số chữ có biến âm khác bằng như vậy: chưa chửa, chẳng chẳng, không chẳng, bằng bẵng, đại đài, ngạn ngận, vần vẫn nghĩa nghĩ

Đ đọc nữa không đúng vì thể làm hiểu sai ý.

酉 dấu = yêu

耒 rồi = rỗi = nhàn

Toàn ý: mình ở chỗ phồn hoa mà có tính ẩn dật, giữ thế tính yên lặng, khi rảnh việc thì giữ lòng hồn nhiên, không nghĩ gì đến của cải quý, tiếng khen chê. Vẫn biết nhiều người ngao du sơn thủy mà có ít bạn biết thưởng cỏ hoa. Đạo Phật bao la, đong thiền mênh mông. Ta nghĩ đến cái bút đan tu tiên, đọc sách dịch, kinh Phật, chỉ trọng tình và lòng thanh tịnh

CƯ TRẦN LẠC ĐẠO (phú)

居塵樂道賦

Hội thứ nhất

1. Mình ngồi thành-thị ; 2. dùng nết* sơn-lâm

3 Muôn nghiệp lặng* an-nhàn thể-tính 朗 : lặng (sáng + rạng)
Nửa ngày rồi* tự tại thân-tâm (xem 6)

5. Tham ái nguồn dừng(停), chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quí
Thị-phi tiếng lặng(朗), được dư* nghe én thốt oanh ngâm

7. Chơi nước biếc, ẩn non xanh, nhân gian có nhiều người đắc ý
Biết đào hồng hay liễu lục, thiên hạ nẵng* mộ(某) chủ tri âm 主 (chủ)

9 Nguyệt bạch vừng thanh, soi mọi chỗ* thiền-hà 禪河 lai láng (chổ)?
Liễu mềm 綿 hoa tốt 窣, ngất 屹 quần-sinh tuệ-nhật sâm lâm

11 Lo hoán cốt, ước phi thăng, đan* thần 丹神 mới phục (盧 = lo)
Nhắm trường-sinh về thượng giới, thuốc thỏ* còn đâm

13 Sách dịch xem chơi, yêu tính lặng* yêu hơn châu báu.
Kinh Nhan đọc dấu*, trọng lòng rồi*, trọng như hoàng kim 黃金 (Kim)

nẵng : hay, thường. 2. chổ

15 Lòng rỗi. Xem 4,14 17. Tính lặng. Xem 6.13. Đ đọc tính sáng

18 ~~mười~~ vọng 妄 tức là vỏng nghĩa là sai nhầm — Đành 停 có
(108) thể đọc dừng, đình, đành. Đây đọc đành nghĩa là chắc.

19 [Ra 𡗶 nôm cổ; nay viết 𠺺 hoặc 𡗶 20. Lâu 老: Hằng hiểu suốt

rồi 21 Trong sạch. bản cũ viết trong 竜𡗶. Bản V bỏ chữ ngờ 疑

22 Tính sáng sỏi. Chữ 朗 ở đây có phần chắc là âm sáng. Xem 17 — mùa 𡗶 tức nghĩa là chớ. — Bản V bỏ chữ vẽ 𢬣

23. Rèn 煉. âm Hán việt: luyện. chữ nôm dùng nay đọc rèn. Cũng viết 鍊

24 ~~Chác~~ Bán chác. chữ nôm viết với 角 âm giác chứ không phải 卓 (trác → chác) có lẽ xưa nói bán giác chăng? Bản V viết 角 (theo Đ) tức là phải đọc gần giác (chác) — Sá 詫: kể, để tâm đến (sá chi thân phận tôi đòi)

25 Thửa 所 âm Hán việt là sở ~~sorgh~~. Hai âm TH và S thông tự Hán việt

nhịp nhàng có lẽ TH là âm xưa, S là biến âm ra sau. Ví như Thầy sở, ~~Thời sắt~~ Thửa sở; một ~~đại~~ ~~tuoi~~ từ loại đại danh hay chỉ định = ấy (đặt ở trên động hay danh từ) Thửa công đức ấy ai bằng (của người ấy) Thửa dạ cay: dạ cay vì sự ấy

26 Vận chỉ vận sồi 運紙 運𥾽: mặc đồ vải bông, vải sồi (vải thô theo Gerubud)

mùa = chớ đây tỏ sự mặc giản dị. ~~Sách~~ Xuân đình gia huấn của Lê Kinh Hạp (ông ngoại tôi) có: "Khăn thâm, áo vải, xiêm sồi; sao cho lành sạch mặc dời là hơn. Chớ kể là mỏng lụa trơn..." Đ đọc vận chỉ vận

—thân cận = xem lối và giải nghĩa: ~~...~~ mặc như cuốn chỉ cuốn dây lôi vào người. và có dấu rằng Đinh gia Khánh đọc: vận giấy vận sui.

27 ~~Nhược chủ~~ 若 — Bạc 白 âm bạch, nhưng đọc bạc theo vần. Xem 9

27 Nhược chủ 若兮. nhược = nhược bằng, ví như. Chủ có hai nghĩa: chỉ có và rất là. Đây nghĩa sát là như tg "rồi ngồi chủ hiện, đuổi

sá: 詫 = kể về chủ khôn (sách khó. Kiều) — Nhữ 女. Đ đọc nữa. (Xem 14)

半角 = bán giác = bán chác?] Vài 𡗶 phần hữu là chữ 𡗶 mà ta thấy ở cạnh một số chữ nôm (1)

28. Thửa Xem 25 — nhân nghĩ 仁義. nhân nghĩa. Nghĩ là biến âm tắc Nghĩa ra âm bằng. Xem 14. Đ đọc nghĩa nhân. có lẽ Bản V đã đảo hai chữ vì nếu đọc nhân nghĩa thì phạm lỗi khó đọc.

Toàn ý: Làm sao cho lòng thanh tịnh, kiêm giữ như hồ tuy sai lầm, không phân biệt hình thức ta với người, bỏ tham lam, giận dữ, thế mới là hiểu đạo. Quí hồ lòng trong sạch, tính sáng suốt thì không phải đi cầu đạo ở Tây phương

女: nhữ = như và cầu mong Cực lạc. (Về phần thực hành thì) xét tâm rèn tính, giữ giới, tránh vô thường là đủ; ăn ~~mặc~~ rau quả, mặc vải thô. Nếu vui cái đạo nghĩa thì chỗn ở sơ sài cũng là lầu các.

(1) chữ vua 布𡗶. giường 𡗶

Hội thứ hai

Biết vậy

15 Biến được lòng rồi*

chẳng còn phép khác 庄 : chẳng

17 Giữ tính lặng*, tính mới hầu yên

nén?
~~Nặng~~ 磏 (nén?) niềm vọng 妄; niềm ~~đanh~~ dừng chẳng thác 錯

19 Dứt 悉 trừ nhân ngã, thì ra* 𤯩 tướng thật Kim cương. (人我) 金剛

Dừng hết tham sân, mới lấu* 𦓿 lòng mầu viên-giác 圓覺

21 Tịnh độ là lòng trong* sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương

Di-đà là tính ~~lắng~~ sáng* soi 朗 (sáng?), mựa* phải nhọc tìm Về Cực-lạc 𠦷 // 極樂

23u. 23 Xét thân tâm, ~~luyện~~ rèn* tính thức 性識, há rằng mong quả báo phô khoe

Cầm giới hạnh, địch vô thường, nào có sá* 詫 cầu danh bán chác* 半角 (giác!)

25 Ăn rau, ăn blái (trái), nghiệp miệng chẳng hiềm thửa đắng cay

thoi 檑 (Sối!)
Vận chỉ, vận sối, thân căn 身根 có ngại chi đen bạc

27 Nhược chỉn* vui 𨀎 bề đạo đức, nửa gian lều quí nhữ thiên cung. 天宫

Dù hay mến 勉 thửa* nhân nghì. ba phiền ngói 𢈱 yêu hơn ~~lầu gác~~ (lầu các)

29. Cóc 谷 Từ xưa, có thể ~~đọc~~ âm cóc, ~~cũng có thể đọc~~ nghĩa là biết.
Tôi đã có lúc nghĩ rằng bởi chữ 覺 (âm giác) mà ra chăng ()

cốc: biết 谷 || Nay không biết chắc âm là cốc, cóc, gốc, góc? cho nên tôi đã đọc cốc. Đ đọc cóc nhưng không rõ lí do. Tuy vậy ở bài thứ 8, vần Học, có chữ vần này, mà phần lớn các vần kia đều có âm cuối óc, ọc thì ta nên đọc cóc chứ? Nhưng chữ kia cũng không đúng? Vậy tôi vẫn giữ ~~cả~~ âm Cốc

31. Tỉnh sáng 明 Xem 3,6,13 — Mựa ~~chớ~~: Xem 22 (dòng Thiền)

33 Chỉn 今 đây nghĩa ắt là: ~~hẳn~~ ~~rằng~~ ~~Bụt là lòng ta~~ đạo phải là truyền bằng tâm chứ không giảng bằng lời. bằng chữ — Xá 舍: hãy. Đ đọc sá, như âm sái viết 詑 (xem 24) — ~~Hỏi~~ ~~hỏi~~ 請 ~~請~~. âm hai vế là Am có thể là từ xưa nghĩa là hỏi. Đ đọc uốm ngay ~~nay~~ viết 厭 (yếm) hay 揖 — Đòi 隊 = theo

今: chỉn, chỉ — 34. Đối 对 nghĩa là chống ~~lại~~ cự, ý cũng như địch ở vế 24

35. Áng 盎: đám — Cảnh điều: là một nhánh núi Yên tử (xem bài Yên tử phú của Huyền quang)

Mã tổ | Bàng uổng

36 Niềm: lòng — Am Sạn 棧 ~~nhất~~ là một am có tiếng ở trên Yên tử núi Đông sơn ở huyện Đông triều (xem Yên tử phú)

37. Hết tác (?) ~~Xem~~ hết mực (~~Xem~~ Đ đọc hết sức, không hợp vần như vần này

38 Cóc xem 29 — Đồ 徒: nghĩa là: luống, uổng. Đ đọc luống

40 Đởm 耽 Đ. đọc đam, tuy hợp vần và hợp nghĩa như trong đam bóng ~~nay~~ là thành ngữ nay vẫn còn.

徒功: luống công
谷 = cốc = biết

Tóm ý: Nếu giác ngộ thì hết lẫn và học đạo thông. Giữ sạch suối sửa mình theo ~~đạo~~ Thiền-tông. Bụt tức có sẵn trong lòng ta không cần hỏi tổ? Nếu không để ý đến của cải thì sẽ thành thông sự như Bàng-Uẩn. (Vậy) hãy bỏ tham tài, tham dục thì chẳng cần đi tu ở những nơi danh lam tại Yên tử hoặc Đông sơn. Ở giữa trần mà giác ngộ lại càng quí, chứ ở ẩn mà không giác ngộ thì ~~đã~~ ai cũng uổng công. Ta mong gần thầy ~~thì~~ ~~mau~~ ~~đạt~~ ~~được~~ gặp bạn cao thì mục đích ấy cũng mau đạt.

đởm: nẩy

hồi thứ ba.

Nếu mà cốc 谷

29 Tới ắt đã không

Phép học lại thông

31 Giữ tính lặng (sáng), mựa (chớ) lạc tà-đạo,

Sửa mình học, cho phải chính-tông

33 Chỉn Bụt là lòng, xá ước ảm-hỏi đòi cơ Mã-tổ 馬祖

Vong tài đối sắc 忘材, ắt tìm cho phải thói Bàng công 龐公

35 Áng tử-tài (姿材) tính lặng (sáng) chẳng tham, há vì ở
Cánh điều 翔鷂 An-tử 安子.

Rắn thanh sắc niềm dưng 停 chẳng chuyển, lọ
chi ngồi am Sạn 庵栈, nơi Đông. 東

37 Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc 别)

Sơn lâm chẳng cốc, họa-cơ thật cả đồ công 徒功

39 Nguyện mong thân cận minh sư, quả bồ-đề
một đêm mà chín 店: đêm

Phúc gặp tình cờ tri thức, hoa ưu-đàm
mấy kiếp đơm bông 耽

41. Cóc xem 29, 38

42. Rồi : hết — Hoặc 惑 : lầm

43 Chuyển 转 : đưa đi — Chứng [illegible] : đạt được —
Tam độc : tham, sân, si — Tam thân : pháp tính, thân hiện sự
thân hóa thành

谷 hết

44 Đoạn : 断 dứt — Lục căn : sáu quan tuy mình : mắt, tai
mũi lưỡi, thân (lòng), ý (óc) — Lục tặc : sáu điều phá
hoại bản tính vì qua hấp thụ qua lục căn : sắc, đẹp
tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc cảm và pháp (lí tưởng)

来 rồi : xong hết

45. Hoại vật. Xem 11 — Chửi xái : rất hay — Phục được luyện
đan : uống vị thuốc bất tử để thành tiên. Xem 11, 12. — Nay Đ. hay

46. Thể Chân không : phép tu thiền để tính trở thành chân thường không
biến đổi bởi ngoại môi trường — Ngại thanh chấp sắc : bị
trở ngại và cảm giữ vì thanh sắc.

今舍

47. Chân như 真如 : tính không bị các điều vọng làm sai, mà có
định không biến đổi — Bát nhã :

48 Thật tướng bản tính không đổi, như thật tính — Ngã : hiểu thấu

午 ngọ

Hội thứ tư

Bàn xem

41. Miễn cốc* một lòng

Thì rồi* mọi hoặc 惑

43 Chuyển tam độc mới chứng tam thân.
三毒 三身

Đoạn lục-căn nên trừ lục tặc
六根

45 Dùn dường hoán cốt, chỉn xá* năng phục được luyện đan

Hỏi phép chân không, hề chi lánh [illegible] ngại thanh chấp sắc 碍声 執色

47 Biết chân-như tin Bát-nhã, chớ còn tìm Phật tổ tây đông.

Chứng thật-tướng, ngộ (午) vô-vi, nào nhọc hỏi kinh thiền nam bắc.

Chú-thích: Hỏi: CHÂN-NHƯ là gì?
Trả lời: 湛寂圓明爍太虛
Sâu lặng, tròn trĩnh, sáng láng choáng lòa cả thái-hư

lại Hỏi: BÁT.NHÃ là gì?
trả lời: 根原[illegible]智慧自己也.
Trí tuệ gốc tự ta có

lại Hỏi: CHÂN PHẬT là gì?
trả lời: 当机对答是誰物
Đang nói chuyện đối đáp ấy là vật ấy

lại Hỏi: CHÂN KINH là gì?
Trả lời: 当机举起太分明

lại Hỏi: TRUYỀN PHÓ là thế nào?
Trả lời: 師弟四目交相顧

lại Hỏi : LĨNH CHỈ là thế nào?
trả lời: 返本还原旡擬議，若生持議，蹉过了也。

Kệ rằng: 渠今正是我。我今不是渠
若能如是會。方得契眞如
悟自心是佛。故名了達真如
悟自心是法。故名一字法門
萬法帰一。故名一体如來

Kệ rằng: 一切万法。皆從心生。
心旡所生。法旡所住。
若達心地。應用旡碍。
非遇上根。慎勿軽許

Lại Kệ rằng 真如般若宗。人空法亦空
过現未來佛。法性本源同

Lại nói 堂々真面目。露々主人翁
包含天地外。貫徹刹海中
用時成妙有。静处太虚空
入々皆具足。物々總圓通
從兹領悟得。了休走西東

49. Tam tạng giáo: sách về đạo Phật — Thiền uyển thanh qui: phép thanh cao của dòng Thiền

50. Ngũ phần hương: cây ~~hương 5 phần, thờ hương thường~~ — Chiên đàn chiêm bặc: hương trầm gỗ ~~cây~~ và hoa rất thơm lạ

51. Nhân nghì: nhân nghĩa. Đ đọc nghĩa, ~~thanh~~ phạm khó đọc

52. Cẩm: quả vững — Đoan: dứt — Chủ thất: ắt thật

Tóm ý: Nếu giác-ngộ thì tránh mọi sự lầm. Đuổi tham sân si thì thoát trọn vẹn. Với mọi những thanh, sắc, hương vị, cảm nghĩ thì thì phải kiềm hạ gian bàn tu tiên thì phải luyện đan; muốn giữ bản tính thì kiêng thanh sắc. Khi đã hiểu nghĩa chân như và bát nhã thì Kg cần để tìm Phật ở Tây hay ở Đông. Nếu ~~đạt được~~ bản tính, (hiểu và đọc) thì Kg cần hỏi đạo ở dòng Bắc hay dòng Nam.

(Vậy ta) đọc sách Phật, ~~[illegible]~~ theo phép thiền, ~~ai ở cõi nhân nghĩa~~ ~~[illegible]~~ đốt hương thường mà niệm Phật, kg cần dùng vật gì.

Ai ở cho nhân nghĩa đạo đức, có lẽ đó là Phật. Giữ các giới tránh phạm tham thì đó cũng là bố tát.

49 Xem tam-tạng giáo, ắt học đòi thiền uyển thanh qui 禅苑清規

Đốt ngũ phần hương, chẳng tốn đến chiên-đàn chiêm bặc 栴核詹蔔

51 Đích nhân nghì, tu đạo đức; ai hay nẩy chẳng thích-ca.

Cầm giới hạnh, đoạn ghen tham, chỉn thật ấy là Di-lặc.

53 Cung. 宮 (Hiểu). Theo chữ Hán thì trỏ cung-điện nhà vua. {Đ hiểu như vậy và cho ~~đó~~ rằng: "Từ (chữ) này khiến có thể nghĩ rằng tại quả là vua". }
nhưng tôi nghĩ rằng theo trí thế về này là: Bụt ở trong nhà, tức là Bụt ở ~~trong~~ mình, Bụt ở tâm. Tục ngữ có câu "Bụt trong nhà, thờ ra ngoài đồng". Vậy "Cung" đây có lẽ cũng như chữ công 工 ở những vế 57, 96 chỉ có nghĩa là trong. Hãy bàn về chữ ~~tổng~~ 工. trong ~~có~~ mọi chỗ ~~như~~ tay [宮 = cung : trong] không nghi ngờ ý nó là trong. (ví dụ 工 tay, 工 lòng) bởi thường phiên âm là công vì ~~gần~~ phụ vần bằng chắc là âm-tố: K (cờ) vì âm cung hán nôm, và phần vần trước có thể là ong và nghĩa (trong). Vả chăng tiếng nói miền "mường" còn dùng tiếng klong nghĩa là trong. Chính tiếng việt vào đầu thế kỉ thứ 17 cũng còn thấy có trong tự-vị De Rhodes tiếng tlống (tlong) tuy rằng âm-tố tr đã có nhưng chỉ dùng để gọi âm hán-việt như 中 đọc trũ (trung) còn tiếng trong chưa có trong tự-vị ấy.

trong tự-vị Genibel, ta còn thấy tiếng Cuống 攻 với thích nghĩa bằng Pháp-ngữ: ému, affecté (cảm động, chạnh lòng) lại thêm: xem công với ~~nghĩa~~ cùng nghĩa. Nhưng sách ấy cho thí dụ: cuống lòng; cuống lòng xót xa, cuống lòng hằng vui; cuống ruột tằm. Dựa vào các thí dụ ấy thì ~~hình như~~ tại quả chữ cuống đều có thể nghĩa là trong cả. Hình như Genibel có được nghe những "thành ngữ" ấy, rồi ông không hiểu ~~tiếng~~ cuống rồi phỏng đoán ra nghĩa cảm động, chạnh lòng. Ông đã nghĩ đến chữ Hán công là đánh chắc 攻, hoặc công 忄工 (?) mà ông thích nghĩa bằng Đôn đao, souci (lo lắng) inquiétude (sợ sệt) Theo tôi thì dựa vào chữ cuống này, có lẽ tiếng trong ngày nay có thể xưa đọc là ~~K~~ tlông. Bởi tạm nhận phiên âm như vậy. Ở đây (giữa hai âm 工 công và 宮 cung.) chữ 宮 này đọc là cuống với nghĩa trong. ~~Thưng~~ chữ này ở trong những sao mới thường bị đổi ra trong. Xem 57

55. Khuây 虧 (với) là không nghĩ tới, xưa hay dùng với ý là sao-lãng, quên

免: với Đ đọc theo ~~âm~~ ~~chữ~~ (chữ) Hán: Khuy nghĩa là thiếu, mất — ~~Hán~~.

Đ đọc Khuy bản nghĩa là thiếu vốn, mất vốn, ~~a~~ chữ ~~Khi dùng~~ ý ngây quá

56. Cốc: biết. Xem 29, 38, 41 — Chỉn: ắt. Xem 27, 33, 45, 52

57. ngõ 午: hiểu Xem 48 — nhẵng 釀: thôi không nghĩ tới việc phải lo. Đ đọc theo âm Hán: nhưỡng và chú thích nấm nhưỡng có lẽ cũng như nấm kênh. — Cuống: trong. Xem 53. ~~Khi thì~~ Đ viết trong và không chú thích gì; có lẽ bản V đã đổi chữ (工) ra chữ trong. — Hà hữu 何有: có đâu? Quê Hà hữu Ⓑ tức là 何有鄉. (điển Trang tử, thiên Tề vật)

58 Biến 遍: ~~thấy~~ Hán nghĩa là vòng. Đây ý là: đọc kinh ba vòng. Đ dựa theo âm mà đọc ra tiếng nôm bận. Tôi không tin chắc như vậy, nên để ~~nguyên~~ âm. (Đầu) Thế kỉ thứ 17, có ~~tiếng~~ có tiếng bận. — Mái 買: nay nói mé, nghĩa là phía. Đ ~~tới~~ tiện dùng Hán tự ~~một cách~~ lẫn vào nôm một cách tự nhiên như vậy: xem chữ guốc ở ... s...

Hội thứ năm

53. Vậy mới hay:

53 Bụt ở cung nhà
chẳng phải tìm xa.

55 Nhân khuây bản, nên ta tìm Bụt
Đến cốc hay, chỉn Bụt là ta.

57 Thiền ngõ năm câu, năm nhẫng cũng Ghê Hai hưu 醾 工 圭 何 有
Kinh xem ba biến 遍, ngồi nghỉ ngồi quốc tân la 罗 国 新 罗

59 trong đạo nghĩa rộng 曠 cơ quan, đã đột 它 究 吝
lẫn trường kinh của tổ

Lành 𨂜 thị phi, ghê thanh sắc, ngại chơi bời dặm liễu đường hoa

61 Đức Bụt từ bi, mong Nhiều kiếp nguyện cho thân cận
Ơn nghiêu rộng cả (曠), suốt 律 toàn thân 全身
phỏ! bộ dịch 逋役 đã xa 赦

63 Áo miễn chăn đắm ấm qua mùa, hoặc châm 針 hoặc trễ 雉
(xể)

Cơm cũng cháo (𥹰) đói no đòi bữa, dù bạch 白 dù soa 乂
cháo

65 Ngăn bát thức 八識, nén (𥗾) bát phong 八風, càng đè càng bội

Rẽ
Trảy 𢮿 tam huyền 三玄, nong 攏 tam yếu 三要, một cặt 桔 một ma 磨

đọc với (sai)

– Tân la 新羅: là tên một nước xưa ở bán đảo Cao-li bắt đầu đời Tây Hán. Đến đời Đường [illegible], thôn tính các nước nhỏ láng giềng ~~mà thành nước Triều Tiên~~ rồi ~~thành~~ chiếm cứ cả bán-đảo. Đến đời Ngũ-đại sau Đường, bị vua Cao-li diệt. Theo Đ. một phái Thiền tông truyền qua đó rồi truyền sang Nhật-bản. Nếu để ý đọc cái điều đúng không gắn với ý đầu đề.

59. Trong 𤄯... rộng 曠. Tuy chữ nôm trên có thể khiến phải hiểu rằng trong đạo nghĩa là ở trong đạo-nghĩa, nhưng tôi nhận nghĩa là: đạo nghĩa trong sạch. Vì có theo ý, theo đối với vế dưới (đối tương tự) và xét vào vế 21 có thành ngữ trong sạch mà chữ trong cũng viết như vậy. ~~Đ hiểu nhận nghĩa "ở trong" cho nên đọc~~ Chữ sau là một chữ Hán đọc khoáng nghĩa ~~[illegible]~~ rộng, xa. Trong các nôm xưa dùng nó với ý rộng (mà ngày nay viết 𢌌). Ở đây ý đúng là rộng. Nghĩa sau chữ này là: ~~đạo đức trong trẻo, cơ quan rộng rãi~~. làm trong sạch đạo-nghĩa, rộng lớn cơ quan. Đ đã ~~ta~~ nhận chữ trong là ~~ở trong~~ giới-từ cho nên đọc chữ sau theo âm ~~Hán~~ khoảng, thế mà 3 vế sau (vế 62) cũng chữ ấy mà lại đọc rộng (hoặc bản V đã chữa chữ ấy chăng?). Còn có một điều: ý đúng là rộng, nhưng âm xưa khi đặt chữ nôm có phải là rộng chăng? Vậy trong văn đời Trần, ta nên đọc chữ này ra âm nào? Vì sao mà âm khoáng lại thành rộng? Tôi nghĩ rằng âm tố R (rờ) ~~ở đây~~ khi xưa có thể là KR hoặc KHR trong các từ như rồng, rộng, ruộng, cho nên chính nghĩa chữ KHOÁNG là rộng, ~~chữ~~ chữ 廣 Hán âm đọc Quảng ~~cũng đọc~~ xưa cũng là KHOẢNG cho nên là phần hài thanh của 曠 và cũng là hoài-thanh của chữ nôm cổ ruộng 𤲌. Còn ~~rồng~~ rộng (KHRỘNG) tất nhiên dùng chữ KHOÁNG mà phiên) Theo đó thì nếu viết theo âm xưa, có lẽ ta có thể viết Khrộng – Đụt lẫn 突吝. Tiếng lời Đụt có nghĩa là nấp như đụt mưa (tự vị De Rhode, Genibrel). Có lẽ sau biến âm ra rụt vì có thí dụ Đụt cổ (De Rhode) – Đ đọc lọt đẫn cũng cho rằng đặt biến âm ra lọt (律). N Trần quốc ngữ thi có: Hiếm họp của một số chữ.. (bài 6)

62. Rộng chữ nôm viết 曠 – Xem 59 – Suốt 律. Âm-tố S bây giờ thời xưa

61. Lành nôm ở đây viết 另 mà ở 46 viết 另令. Dấu "cá" ~~[illegible]~~ thời cần đọc dùng để trỏ rằng chữ Hán bên trái phải đọc âm nôm gần âm Hán. Rồi ~~thuở~~ sau thường đổi ra "dấu nhấp-nháy ﹅"

62 chắc là SL cho nên nôm ~~thường~~ dùng những chữ Hán mà nay đọc với âm tố L (lờ) ví như sâu 螻, 𧋆(?). Hoặc xưa cũng (khi nguyên thủy), còn để phần S (sờ, xờ) bằng chữ Xa (車) để bên cạnh như sau 𨍦 hoặc 輚. Một chữ chắc hẳn là tên của bể Sót ở Hà tĩnh được phiên nôm là 律 hay 津. Đ đọc lọt không đúng

so 𨍦

– Phô 逋: các ~~chữ sốnh~~ Tiếng xưa trở số nhiều, ~~như~~ Tự-vị De Rhode có chép với thí dụ Phô ông phô bà. Tự-vị Genibrel viết 哺. Tiếng này trong sách của các giáo-sĩ Đa-tô ~~[illegible]~~ sau còn hay dùng. Đ đọc lầm ~~ra~~ phô việc ra bộ việc và hiểu là bao việc, việc quan bắt làm. Chải đọc và hiểu thế không đúng, vì nhà vua thì có phải đi làm việc ~~bua~~ (vua) quan đâu

67. Cầm 琴 vốn thiếu huyền, xá đàn dẫu xoang vô-sinh khúc 控先生曲.

25b Địch chẳng có lỗ, cũng bấm (phiếm?) 泛 chơi / xướng thái bình ca.

69. (Kỵ?) 𢹣 cội tìm cành, còn khá tiếc Câu trưởng lão.

(Khuây) 虧 đầu chấp bóng 執俸, ắt kham cười Diễn nhã đạt đa 演若達多.

71. Suốt (quyển) 圈 Kim cương, há mặt hầu thông nên móng (?) 年𢠩

Nuốt 訥 bằng lật lức (?) 栗棘, nào tay phải rước (xước?) 綽 tượng đa.

62 (nói) Xa 赦. Đ đọc tha vì đã đọc chữ bua việc trên

63 Miễn 免 chữ nôm năng thường thấy trong các bài nôm xưa:

Theo ý thì rõ nghĩa là với, cùng. Các tự-vị de Rhodes, J Taberd không có. Nay còn tiếng lẫn nghĩa cũng vậy. (Đ nói: liền) Nếu vậy thì chắc rằng xưa có tiếng là MLIÂN. Âm-tố ML xưa đã biến bằng hai cách: hoặc mất phần M, như Mlẽ thành lẽ, Mlời thành lời; hoặc ML thành NH: Mlẽ thành nhẽ, Mlời thành nhời. Đây Mliễn thành liễn. Vậy muốn viết bằng âm cũ thì phải viết Mliễn.

— Châm 針 .. trễ 𥹰 : hoặc châm nọ, hoặc không để ý, trễ nãi.

Đ đọc: kim .. chỉ (hoặc bản V đã chữa chăng?)

64. Cháo 粥 âm Hán là chúc nghĩa cháo. Trong nôm xưa hay dùng chữ này với nghĩa cháo ngày nay (nôm nay 粆). Xem 84 (vẫn theo phải đọc cháo)

— Soa 又 theo ý thì nghĩa nó trái với bạch, với trắng; nói về cơm, gạo. Tôi không biết từ ấy, mà trong các tự-điển cũ cũng không thấy. Đ đọc xoa và thích nghĩa là hẩm. Không biết đó là đoán âm và nghĩa, hay nay còn từ ấy ở đâu? Tôi đành đọc theo âm Hán: Soa và hiểu đoạn này: cơm cháo dù trắng, dù hút cũng ăn vậy. Nếu muốn giọng đọc và hiểu thì đó là Xoa, tức nói thoa, nghĩa là vò sát cho bớt hút.

(Xem nói ở trang 61)

Nhại (?) thi có: Bát cơm soa nhờ ơn xã tắc (15) Hàn Đàn đủ bữa bát cơm soa (18)

73. Xai: hãy (xem 45, 68)

75 Tam nghiệp 三業: ba quan làm lòng rối: thân, khẩu, ý. — Lãng 朗. Xem 3, 6. Đ đọc sai

76 Đạt 达: đạt vững, định. Đ đọc đạt

77 Lạc-lai 落來: làm đường lạc lối (genitif) — ý vế này là đạo Phật huyền bởi lòng chú kỳ phải vì văn tự. Vì đọc văn có thể giải nghĩa lầm

78 Nột tăng: nên viết chữ nột 訥 là nói chậm chạp, ý nhà sư khó nhăng nhẳn. Phải nghĩ đó là ý nguyên văn. Chữ nột tự dạng rất gần chữ nạp 衲 là vá (áo vá) và cũng trỏ áo nhà sư mặc. Nhà sư cũng được gọi là nột-tử 衲子. Như vậy thì đây có thể là nạp tăng: nhà sư. Đ đọc: nạp

79 Hạn 漢 có thể làm đọc ra than (phần hai âm cũng chung với chữ Hán 漢) vì Hai vế 79 và 80 lấy điển ở đối đáp giữa hai thiền sư: Lệnh-tuân và Đại-thông. Đại thông hỏi: Đại-thừa là thế nào? — Lệnh tuân đáp: là giây gàu ở giếng. — Lại hỏi: Tiểu thừa là thế nào? — đáp: là cái lỗi tiền. — Hỏi: Hữu lậu là thế nào? — đáp: là cây rây. — Hỏi: vô-lậu là thế nào? — đáp: là cái môi gỗ. Phật-ngữ dùng chữ Lậu 漏 trỏ phiền não. Hữu lậu: có phiền não, Vô lậu hết phiền não. Mà Lậu lại có nghĩa thường là lọt qua, thấm qua. Có lẽ hữu lậu là để phiền não lọt vào lòng và vô lậu là không để phiền lại lại. Vì vậy ví sự hữu lậu với cái rây, và vô lậu với cái môi gỗ. — the luật 絺律 hai thứ bạc dệt thưa, the Đ đọc the lọt. — Duộc sừng 杓𥯍: Dược là môi (Đ đã để ý đến kẻ sự hai âm tố D.TH trao đổi Dược Thuổi và Thuộc là duộc). Còn chữ sau nên đọc thế nào, phần hai thanh là Lăng phiên như âm lăng, lùng, răng, rừng, sáng sừng (vì âm xưa slang, slưng) tăng (xưa blang, tlăng) và cái âm ấy thêm dấu huyền. Đ đã đọc: duộc sừng với ý rằng âm sừng được dùng thay gỗ vì vần nhưng tại sau lại dùng bộ trúc. Đ cho là kẻ chép lại làm chữ giác 角 ra trúc. Thực ra sừng viết 觻. Và cũng không phải đó là rừng (棱) theo tư văn thì có lẽ đó cũng là một vật dụng hoặc múc đồ nước như môi, ngày nay ta không thấy còn tự âm nữa. Phải chăng là lừng?

80 Bất 㤕 gọn. Đ đọc dứt. — Lõi 絓 là giây xâu đồng tiền để đóng thành quan. — Tơ gạo 糙. Chữ sau đạo gạo, nhưng theo lời dẫn ở số 79 thì chắc đó là gáo (…) tức là gàu (hoà âm gáu → gáo) Ý vì là Tiểu-thừa là chỉ giữ đạo cho mình như lối tiền giữ đồng tiền cho khỏi rơi còn Đại-thừa thì không những giữ đạo cho mình mà còn giúp cho chúng sinh như cái thừng gàu giữ gàu khỏi rơi mà nhờ vậy mà gàu còn múc nước lên cho mọi vật hưởng.

81. Lòng vốn: bản tính tức là Phật-tính thanh tịnh không di không dịch — Bì 皮. so bì, quan tâm đến. Đ đọc bê. Theo đối với vế dưới thì đúng đáng là một động-từ (đối với nhiệm)

82 Tinh gương: tinh sáng láng, trong trẻo — Căn trần: trỏ sáu cảnh ở môi trường

Hội thứ sáu

thật thay (世)

73 Hãy xả vô-tâm

tự nhiên hợp đạo

75 Dừng tam nghiệp mới sáng 朗 (?) thân tâm
tảng

Đạt? Đặt một lòng thì thông tổ-giáo 祖教

77 Nhận văn giải nghĩa, lạc lại 落来 nên thiền-khách bơ vơ

Chứng lí tri cơ, cúng-cát 功葛 phải nột-tăng 訥僧 khôn khéo

79 Hán 嘆 hữu lậu, hán vô lậu 有漏, 无漏, bảo cho hay thơ 詩 luật 律 thược 杓 rùng? 笈

26a Hỏi Đại thừa, hỏi tiểu thừa, thưa thẳng dút tát 𨁪倘悉 // lời tiền 絑錢 tơ gạo 絲粘

81 Nhân chiết lâu làu lòng bản, chẳng ngại bề thì tuệt nhân duyên
vốn

Chủ cho vặc vặc tính gương, nào có nhuộm cấn trần huyên náo

83 Vàng chưa hết quặng 鑛, xá tua chín phen đúc chín phen rèn 煉

Lộc chẳng còn tham, miễn được một thì xôi chay 粢 → 粢 một thì cháo. 粥
粢. (xem 99)

tiếp xúc với sáu căn, tức sáu quan ~~tiếp~~ bộ phận trong ~~ngũ~~ thân thể dùng để tiếp thụ cái cảnh ấy: xem II 43. Vì cái cảnh ấy làm bẩn lòng thanh tịnh, cho nên gọi là bụi (trần)

83. Quặng 壙 âm Hán là khoáng, nghĩa là mỏ, trỏ cả đất đá trộn với chất kim, ngọc quí khi mới đào ra. — Xả: hãy, xem 45, 68, 73, 6 — Tua 須 âm Hán nay là tu: nên, Rèn 煉: nôm ở bản L có dấu "cả"

84. Chay 斎. Chữ nôm bản L viết như vậy khiến ta có thể nghĩ đó là chữ xôi 粢 mà lầm ra. Nhưng ở về 100 cũng viết vậy mà đó thì chắc là ăn chay. Với là chữ trai 齋 viết tắt 斋

85. Giới 戒: răn, cấm, những sự làm bẩn và ám muội, bẩn tính.

86. Đi đỗ: nghĩa đen là khi đi, khi dừng. Nghĩa rộng khi làm việc, khi nghỉ việc, trỏ chung là cử chỉ, thái độ, hành động

87 Tham thiền 參禪: nghiên cứu về đạo lí về thiền bằng cách ~~hỏi sư hay~~ tìm hỏi thầy bạn

88 Dột 揬: đấm, đạp, làm cho vỡ, cho nát

Toàn ý hồi 6: Hãy không quan tâm đến những sự làm rối lòng. ~~Mất~~ Hết lòng tìm hiểu kĩ thuyết Phật giáo. Chỉ đọc sách thì có thể hiểu lầm. Dẫn giảng đạo lí phải khôn khéo mới đạt, dùng các tỉ-dụ để ~~suy~~ làm suy nghĩ mà hiểu nghĩa những quan niệm Hữu lậu, Vô lậu, Đại thừa, Tiểu thừa. Ta hãy kiên nhẫn giữ lòng cho sạch, cho vững, rèn tính cho kiên, khỏi tham của đời, giữ các giới mà vẫn giữ lòng trung hiếu. Tìm thầy, tìm bạn tham thiền và biết ơn thầy bạn

85 Sạch giồi lòng, chùi (giồi) giồi tướng (搥), nội ngoại nên Bồ tát trang nghiêm

Ngay thờ chúa thảo thờ cha, đi đỗ mới trượng phu trung hảo (bửu)

87 Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân.

Học đạo thờ thầy, dọt 揆 xương óc chưa thông của báu

90. Luyện 煉: đây đọc âm h.v. Đ đọc rèn. nhưng ở đây không có dấu "cá" như ở 83

91 Vô minh: không sáng, tối — Sáng 爣: đây rõ ràng phải đọc sáng. Nguyên âm xưa là Sláng. cũng có thể đọc rạng (烺)

92 Rồi 耒: hết — Say 醝 nguyên âm xưa Slay, nay viết 醝

93. Phỏng 倣: theo, bắt chước — Lòng kinh 悪経: tức là 心経 tâm-kinh tuy rằng nói nôm ~~đáng~~ phải nói: kinh lòng. Thời xưa ~~sự phân biệt~~ chữ Hán âm nôm không phân tách lắm (xem) Tâm kinh trỏ kinh ~~Ba-la~~. Bát nhã ~~tâm kinh~~ Ba-la-mật đa tâm kinh, hoặc nói tắt Bát nhã tâm kinh. tâm nghĩa là tinh yếu.

Khôi 坤: đi

94 ~~Đời~~: theo. — Cơ 机 ~~cơ quan,~~ có nghĩa là chủ yếu mầu kín — Chút 卒 một ít. ~~Đ đọc tốt~~ âm h.v là tốt (Đ đọc tốt) nhưng trong bài này, tốt viết với 卒 ở vế 10. ~~Âm~~ tố CH là một biến âm của T, ~~[illegible]~~ [illegible] con ~~Tốt~~ ở Tốt còn có tên CHốt — Nấy 乃 âm xưa từ nòi (quốc ngữ ~~[illegible]~~ ban đầu ~~[illegible]~~ thế kỉ 17, còn phiên âm nơy — thư viện Jésuite ở Roma). Ý vế này là nếu theo giáo lí Tổ, ~~khi~~ thấy ~~rằng~~ ~~[illegible]~~ khó ~~biết [illegible] Thiền [illegible]~~ hiểu

Thiền. Khó.

95 Cùng 窮: tìm đến ~~[illegible]~~ tận nơi — Dã 瀉 âm h.v đọc tả: làm cho tiêu hết — Mừa 𡢐 chờ, xem 22, 31 Đ viết mà: có lẽ bản V đã chữa lại chăng — Mộ 某: mấy xem II 8

96 Ngã thắng chàng. thắng tràng 勝幢 cũng như thắng phướn 胜幡 trỏ cây cờ mà nhà tăng dựng lên khi thắng ma tà ở đạo tràng (kinh Niết bàn). Đây dùng như động từ (với chữ chàng 撞 là đánh). Ý là thắng cái ngã là tư tưởng nghĩ đến thân ~~[illegible]~~ mình. — Viên tri kiến tri kiến 覌: thấy mà biết, hiểu. Ý là hiểu biết cho đúng hoàn toàn — Quần: 群 nhiều. Đ đọc còn. Ý nhiều ở đây đối với ý ít (mọ) ở vế trên — Giữ 守 hoặc giữ. Đ đọc giữa — Cõng 工: trong. Xem 53, 57. Đ viết trong

97. Buông lửa giác ngộ: sự hiểu rõ đạo Phật như ngọn lửa. Đoạ ~~ngộ~~ giác-ngộ mới hợp nhiều — Trảy 徙 chữ này dùng để phiên âm trảy là đi phương xa. Đây chắc là âm xưa của tiếng thẩy hay thảy bây giờ — Rừng tà: là tập hợp các sự hiểu sai lầm về nhân sinh.

98 - Tính thức 性識: tính của những điều biết nhờ ~~các~~ lục căn, tức là các quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. — Không: hết sạch

99 Thánh 聖 trỏ Phật, tuy từ này thuộc Nho, Lão — Xót ~~chữ nôm~~ 律. Nếu là chữ Hán thì không hợp nghĩa trong câu. Nếu là chữ nôm thì chỉ có thể đọc xót mới hợp nghĩa. Nếu vậy thì tiếng Xót xưa là SLót mà nay thành xót (chữ nôm ngày nay 𢣂) ~~cũng như sót hay suốt~~

100. Cù 瞿. Trong vế này ~~[illegible]~~ Mến đức cù đối với vâng ơn thánh ở vế trên, thì tiếng cù đây cũng có "trị" như "thánh". Theo ý tôi thì ý cũng là Phật. Phật họ Gautama mà thường phiên ra Cù-đàm và thường dùng Cù Đàm để chỉ Phật. Đây vì âm phải bằng nên không dùng tiếng Phật được, cho nên dùng tiếng cù trỏ phật. Đ đọc là cồ và thích nghĩa là lớn. Nhưng ngày nay ta chỉ biết rằng cồ trỏ con gà trụi lông trong dáng ~~mạnh~~ hùng: gà cồ gà trọi.

Hội thứ bảy

Vậy mới hay

89. Phép Bụt trọng thay

Luyện
Ren 煉 mới cốc hay

26b 91 Vô minh 无明 hết, bồ đề thêm // sáng 糊

Phiền não rồi, đạo đức càng say 醉

93 Xem phỏng lòng kinh, lời Bụt thốt để cho thầy
quấu 𤄯

詑
Học đòi cờ tổ, sá thiền không khôn ~~tốt~~ chút 卒
biết nấy 尼 (?) nới ?

95 Cũng căn bản, ~~đã~~ 灣 trần-duyên, mựa để mộ
hào li đáng mặt.

Ngã 我 thắng chàng 勝幢, viên tri kiến 圓知見, chớ
cho quấn họa trũ 禍宇 cong 1 tay.

97 Buông lửa giác ngộ 覺悟, đốt hoại thẩy 燒坏䃼 ?
rừng tà ngay trước

Cầm gươm 劍 trí tuệ, quét cho không tính-thức
thuở nay.

99 Vâng ơn Thánh, ~~luật~~ xót mẹ cha, thờ thầy học đạo.

Mến đức cù, kính 瞿 經 ? bùi ngọt, cầm giới ăn chay.
菜

— Kiêng 經 tị cấm không dùng, kháy lầm. Đ đọc Kinh với ý sợ, nhớ chữ kinh ấy viết 驚. — Cầm giới: giữ cái điều răn, dịch hay Trì giới 持戒

103. thảo lòng biết nhớ ơn người bậc trên — Hét ngay 歇直 thực ngay thẳng

— Rời ~~... ăn lời, đọc lời hay rồi cũng có nghe lời. Đ đọc lời~~

Cảm ý Phép Phật là khó, phải tu mới đạt. Phải bỏ ~~...~~ mơ ám, phiền não, Phải nghe lời Bụt dạy, học có cái tổ. biện rõ bản tính, bỏ việc đời, phá cái ngã thì họa hết. Khi giác ngộ thì lòng tà hết, vọng niệm tiêu, trí tuệ sinh. Phải biết ơn Phật, ơn Thầy, giữ cái giới, kẻo lấy của bảo thờ Phật mà lòng rời thì cũng chẳng thành tâm

Hỏi 7
đại ý nhiều} (bracketed beside the "Cảm ý" paragraph)

101 Cảm đức từ-bi, để nhiều kiếp ~~thà~~ nguyền cho thân cận

Đội ơn cứu-độ, nát muôn thân thà 時 (thà?) chịu đắng cay

103 Nghĩa hãy (矣) nhớ, đạo chẳng quên, hương hoa cúng (供) xem còn nên thảo

27a Miệng rằng tin, // lòng lại ~~tối~~ lỗi, vàng ngọc thờ cũng ~~chửa~~ chả phết ngay (宜正). 歇 hết.

~~chửa hết~~

Chủng 徵 như ở 83

105. Chủn ắt Xem 33,45,52,56 — Xái: hãy — Rền 煉. Tuy đây kg có dấu "cá" nhưng phải đọc với vần bằng: rền

106. Tuyệt 絕: diệt, bỏ

107 Rồi ~~lay~~ 來. Đ đọc lay — Ý thức là nhủ điều biết bởi ý nghĩ làm ~~tối~~. — ~~Đây~~ dắng 澄; tả một cách bền chặt kiên-linh, co-co, khư khư, chắc rằng âm-tổ Đ đã biến ra N: thành tiếng nắng nắng còn dùng: đòi nắng mắng

108 (48) Vọng 妄 âm bằng của tiếng vọng là sai. Đây phải đọc vong (hay vâng?) sách Thiền nam ngữ lục có "Nó toan làm sự gian-vong 奸妄" (về lục) [Đ đọc vẫy]
— ~~Mựa~~: chớ. Xem 22,34,95, ~~108~~ Đ ~~viết~~ chép Mà (Xem 95)
— Xục xục: tiếng nước ~~bởi~~ bị bít lại. Nay còn tiếng sồi sục sục

109 Ngây tha 于 吔, nay nói ngây-thơ

110. Gồm no 兼 ~~..~~ chữ ~~Kiêm~~ hán việt nay đọc Kiêm, nhưng nôm xưa viết gồm như vậy hoặc với dấu 㕘 bên cạnh. No 奴 : đủ — Chủn: ắt — Cốc: giác ngộ. Xem 29,38,41,56,90, ~~..~~ Phúc tuệ 福慧

111. Giồi 𧼋 chữ nôm này cũng có thể đọc chuỗi. Đây chắc là giồi (xem 85) — Sủ tướng: phấn hiện ra bề ngoài [Đ. ~~đọc~~ chép: xảy]

112. San 删 ... nhún 軟. Nửa chữ đầu là chữ sách 冊 đã gặp ở "các vè 13. Vậy đó là chữ San nghĩa là San-sẻ. Chữ san là chữ Hán nghĩa là yếu mềm (đọc nhuyễn). Nếu là nôm thì có thể đọc ~~nhún~~ nhũn như nhún-nhẵn. Nếu qua hai chữ ấy đọc như vậy thì nghĩa ~~sai~~: bố thí thì phải vui lòng bỏ ra, từ bi thì phải nhún nhẫn mà xá lỗi. Thế nghĩ cũng không thông. Nếu ta nghĩ là có chữ viết làm thì chữ San viết như vậy gần chữ cương 剛 là cứng, rắn, đối với nhuyễn là mềm. Vậy phải đọc hai chữ ấy bằng hai ~~kiểu~~: cương hỷ xả, nhuyễn từ-bi, ~~hơn~~ chăng? Khỏi nói nghĩa cũng không thông. Đ đọc ~~như~~ cứng...nhuyễn nhưng nghĩa cũng kg thông — Kinh lòng dịch 心經 là kinh ~~Phật~~ — Tự tại 自在: lòng giữ ~~bản~~ thanh tịnh vì bỏ phiền não (Bát nhã ba la mật đa tâm kinh, gọi tắt)

113. Rền 煉 (Xem 105) — ~~Hết sức~~: hết sức — Giồi ~~mai~~ 𧼋. Đ đọc dùi (chắc)

114. Kén 見. Đ chép thấy, có lẽ V đã chữa chăng?

115 Thuở 𣅶 âm hán việt: sở (ta xưa học sở là thuở) đại danh từ: cái đã...

116 Dùng 用 = làm — Mựa: chớ (Xem 22,95,108) Đ chép mà

Chúng 徵 ấy:

105 Chỉn xá tu rèn 煉

Chớ nên tuyệt học

(tưởng tấy?)
107 ~~Lay~~? 挨? Rời 來 → 挨 ý thức, chớ chấp đăng-đăng 澄
Lay? Rời?

Nén 磏 niềm vong mũa còn xộc-xộc 觸

109 Công danh màng đắm 忙 躭, ấy toàn là những đứa (打) ngây thơ? 疑 吔 (Thờ? thực. thà?)

Phúc tuệ gồm no, chỉn mới khá nên người thật cóc 谷 (→ 覺)

111 Dựng cầu đò, giồi 檑 chiền tháp, ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu

San 刪 hỉ-xả 喜捨, (nhẫn) nhuyễn (軟) từ-bi, nội tự tại. kinh lòng hằng đọc

113 Rèn lòng làm (𠃣) bụt, chỉn xá tu một sức giồi 檑 mài

Đãi cát kén vàng, còn lại phải nhiều phen lừa lọc

115 Xem kinh đọc lục, làm cho bằng thửa // thấy (体) thửa hay

Trọng bụt tu thân, dùng mựa lỗi một tơ một tóc

117. Cùng 穷: xét hiểu đến cùng (các câu, các lời)

118 Rất 栗 âm H.V. là Lật, nôm là rất (nay viết 𡘯) nghĩa cũng là tột bực, cùng cực — Thửa 𠛌 chỉ định từ: ấy, của người ấy... — Mựa chớ Đ đọc mà

Tám hồi 糁回 tức là bát phong 八風 (tám gió) là tám điều làm tâm phiền động: hơn, thiệt, ~~đ~~ bị khen, chê, mình khen chê, mình khổ sướng. cũng gọi là bát pháp. Đ ~~chép~~ tâm hồi chắc sai. Đây tác giả cố ý dùng số mục tám 糁 để đối với một ở vế trên. Chữ tám viết (𠔭), phải chăng bản V đã chữa như vậy? — Đột lốc 实禄: thình lình thổi mạnh ~~...~~ tung. Đ đọc lọt lọc không rõ nghĩa gì?

Tóm ý. Hồi 8. Vậy phải tu luyện, chăm bỏ học đạo. Bỏ ý thức, diệt vọng niệm. Đừng say công danh, tham tìm phúc tuệ. Phải hư xả, từ bi. Hãy ra sức giữ màu tinh tính, gạn lọc ý niệm. Đọc sách thì phải làm theo điều hay tránh sai. Trọng Bụt thì chớ làm sai lời Bụt dạy. Nơi tìm hiểu đến cùng lời dạy thì chẳng lo ngại gì. Đừng liều các then máy của sự tu thì chớ để ~~những điều~~ sự vật làm xao động lòng.

117- Cũng nơi ngôn cú, chỉn chẳng hề một phút ngại
言句 lo.

Rất 栗 thẹn cơ quan, mũa còn để tám (糁)
机関 hỏi đốt lóc 究祿

120. Mộ: một ít. Xau. Đ chép: mấy

121 Chư: rất Xá: hãy — Mã tổ: tức tự Đạo nhất. Thuộc người Quảng tây, tới nơi hoà thượng Nhiếp ở Nam nhạc. Dòng thiền, chi Nam nhạc xấp là tổ và sau chi đẹp ấy phát thịnh. Đây muốn nói chỉ kể chuyện về dòng Nam nhạc mà thôi.

122 Tiêu hoàng: Tức vua Lương Vũ đế (tức Tiêu Diễn), sùng đạo Phật. Xây nhiều chùa tháp. Đ chi 菩提 Bodhidharma từ Ấn độ sang (520), vua mời tới hỏi: «Từ khi trẫm lên ngôi, đã dựng chùa chép kinh, thế đã có công đức gì?» — đáp: Không. Vua hỏi: «Công đức thật thì là gì?», Đáp:

123 «Quế trí yên lặng hoàn toàn, để thân thể tự nhiên trống. Vì vậy không thể lấy gì làm ở đời mà cầu được». Vua lại hỏi nghĩa của "Thánh đế nhất" — đáp: «Hoàn toàn Không Thánh». Vua hỏi: «Trẫm là gì» — Đáp: «Không biết 不識». Vua không giác ngộ. Nói

951/7404 信法王 宗记(序)

ông bỏ xuống miền nam sông ~~Dương tử~~ (520). Đây lại ở chùa Thiếu lâm 少林 tại núi Tung sơn 嵩; suốt ngày ngồi ngắm vách (Quán bích) Vua Ngụy mời ba lần không chịu tới. Sau trao pháp ~~...~~ y cho Tuệ khả nối dòng Nam tông. Mất năm 528 [Coi về 125, 126, 127 liên quan đến chuyện tên] táng ở núi Hùng nhĩ 熊耳. Ít lâu sau «宋雲 đi Tây về nói gặp ở 葱嶺

124. Khoác nhiên: hoàn toàn không 廓然無聖. Bất thức: không biết 不識 ~~...~~ trong câu trả lời của Mã tổ (xem chú thích trên) — ~~...~~ ~~...~~ Đ chép: nghe ngu Mắng nghe Đ đọc làm ra mắng

125. Đây trỏ Bồ đề Đạt ma (Bodhidharma) — xem 122 — chốn đối 埤財: miền quê

126 Đây trỏ tổ thứ sáu dòng đ.5, tức là Huệ năng. Khi ban đầu Huệ năng tới xin theo học Hoằng nhẫn, phải làm việc chùa lo giã gạo chứ không được dự hỏi của cải đ. Tới một hôm Hoằng nhẫn bảo đệ tử mỗi người làm một bài kệ. Trong hàng đệ tử xuất sắc có Thần Tú ~~...~~ đề: 身是菩提樹 心如明鏡台 vào vách
時時勤拂拭 莫遣有塵埃

Ai cũng cho là hay. Chỉ có Hoằng năng chê và bác bằng một bài họa
菩提本無樹 心鏡亦非台
本來無一物 何假拂塵埃

Hoằng Nhẫn biết là Huệ năng hiểu sâu đạo, cho nên truyền y bát cho —
Thân bồ đề: thân đã giác ngộ — Minh cảnh: Gương sáng (đều lấy chữ trong bài kệ trên)

127. Vương lão: trỏ h.t Phổ nguyện 普願 (đời thứ sau Mã tổ) — trảm mèo: chuyện ~~...~~ thầy hai đường chủ trong chùa đi nhau con mèo, t.t đọc: «nếu không ai nói được điều gì thì sẽ chém mèo». Không ai nói gì cả. Sư bèn chém mèo. Chiều tới có thiền sư Triệu châu 趙州 () về. Phổ nguyện đem câu hỏi Triệu châu, Triệu châu không nói gì chỉ đặt chiếc giày lên đầu mà đi. Phổ nguyện ~~...~~ hiểu đó là trả lời nên bảo: «nếu ông đã ở đây thì đã cứu được con mèo» — Chủ tọa 主坐 trỏ hai người đương chủ, coi sóc chùa, đã tranh nhau mèo. — Luất thảy 辣袪: ~~...~~ chữ đầu âm ~~...~~ lát, lạt, luật lát, luật. Chữ sau âm nôm: trảy (đi xa). Như ở về 97, từ ấy ý là thảy theo tôi ở ấy ý là: ~~...~~ hết thảy. Luất là át.. ~~...~~ Đ hiểu cách ~~...~~ ~~...~~ — lồng ngựa 毒馭: lồng bị cản trở bởi những sự chướng ngại

128 Thầy Hồ trỏ t.h.s Lợi tung 利蹤 (đời thứ . . sau Mã tổ) ở Tử hồ 子胡 nhau (Tử ~~...~~ dịch ra thầy, như Khổng tử ..) — Xua chó: Lời tụng thường

Hội thứ chín

Vậy cho hay : Cơ quan tổ giáo

119. Tuy khác nhiều đường

Chẳng cách mộ gang

121 Chỉn xá nói từ sau Mã-tổ

Ắt đã quên thửa trước Tiêu-hoàng.

(chơi đối) 123 "Công đức toàn vô", tính chấp si 執疾 càng thêm lỗi nói

"Khoách nhiên" "bất" thức", tai ngu mãng ắt còn vang.
廓然 不 識

125 Sinh Thiên-trúc chết Thiếu-lâm, chôn đối 塼吋 chân non Hùng-nhĩ 熊耳

Thân Bồ-đề lòng minh cảnh 明鏡, bài 牌 già (枷) mặt vách hành-lang 行廊

127 Vương Lão trảm miêu, 王老斬猫, lật thẩy 辣𢬣 lòng ngừa thủ toạ 首坐

Thầy Hồ khua (xua) chó, trỏ xem trí nhẹ ôm sàng
智玥𡗶床

129. Chợ Lư lăng 盧陵 gạo (杲→果 ?) mắt (末) (D mạt) qua ủ, chẳng cho ma cả 麻哥

Sở Thạch đầu 石頭 đá trơn 㵢 hết tắc 歇則 (D sức), khôn đến thưa (sửa) đang 疎当 ?

dọa rằng ở bể hồ có con chó, đầu, tâm và chân như người. Ai tới thường bảo phải coi chừng con chó ấy. Nếu ai đi nghĩ gì thì sẽ bị hại. Ý chỉ chó ấy chính là thiền-sư — Côn giường 昆床 âm h.n là côn sàng. Đọc chuyện của th. s. Lỗ-tung tôi không thấy chi biết gì làm sáng nghĩa hai từ này là hai ngữ côn-sàng với nghĩa riêng gì không? - Ư sự đối với về kiến thì chủ tọa (chủ nhà, hoặc chỗ) có thể đối với con giường chăng? Hoặc giả con giường xưa họ các đệ-tử đến cùng giường (伏 牀). Đ đọc côn giường bởi xin huyền nghi. (như côn 君羊)

129 Chợ Lư lăng gạo mắt: điển ~~bài~~ chuyện thiền sư Nguyệt luân 月輪 (dòng) nói chuyện với hòa thượng Giáp sơn 夾山 một cách cứng thẳng. Hòa thượng bảo phải nói rằng: « Nếu không biết ta thì phải trả tiền giày cỏ cho lão tăng, rồi lão tăng sẽ trả giá gạo Lư lăng cho thầy ». Nguyệt luân trả lời: « Như thế thì tôi chẳng biết. Mà chính Hòa thượng cũng không biết giá gạo ở Lư lăng ».
Trong truyền-sử Nguyệt luân (Đăng lục ngữ lục) chép Kim lăng 金陵 — Mắt: là đắt. Chắc xưa ~~ông~~ âm mlắt → mđắt. Đ đọc mặt — Qua wa (hay

130 qua ư) tiếng cổ nghĩa là lắm, quá chừng. ví dụ:

120 Sỏ Thạch đầu đá trơn. chuyện thiền sư Hy-thiên 希迁 ở Thạch đầu, ở đó có tảng đá trơn lắm, nhiều có kẻ ngại tới tham thiền

— Hết tấc: rất, bây giờ nói ra hết sức, ví dụ Đ chép hết sức — Thừa đang: ý là thăm hỏi. Nhưng từ ~~thừa~~ chưa rõ ~~nay~~ ~~cơ~~ là ~~thừa bẩm~~, trả lời, hoặc là thưa-thốt? Theo tôi thì có lẽ ý trả lời vì đó là thành ngữ như mã-cả ở về kia,

121. Phá táo cắt cỡ. chuyện hòa th. Phổ hác 普閒 () đã đập phá cái bếp ở miếu thiêng tại núi Tung sơn vì nhiều người đến đó giết bò lợn để cúng. ~~Đ chép~~ (Thần miếu 神廟: ~~bản~~ Đ chép Thần việt, có lẽ bản V khai sai)

131 Phá báo 破竈 cất cờ 拮棋, đạp xuống dấu thiêng thần miếu

Câu chê 俱胝 dội ngón 移阮, dùng đội 隊 nếp cũ ông Ang. 盎

133 Kiềm Lâm-tế 臨濟, nang 鑲 bí ma 秘魔, trước một tăng 衲僧 nổ dấu tự tại

Sư-tử ông Đoan, trâu thầy Hữu 佑, rắn đàn-việt sớm 歛 xá nghênh ngang

135 Dồn phiến-tử, cất trúc-bề, nghiệm kẻ học cơ quan nhẹ nhẵn 珥刃

Hồ hon cầu 毬 cầm mộc chước 木杓 (cụ đọc thước), bạn thiền hòa chước mộc 斫木 khoe-khoang.
mước (thuật: 述)

137 Thuyền-tử rã chèo dòng xanh, chở cho tiễn-tẩy
羨洗 子耶 掉 撐 羨洗

286 Đạo ngô mẫu, hốt cán ma
吾 楪 笏 乾 魔, nhường thầy quái-quang 佐光

139 Rồng yển lão 偃老 nuốt 訥 càn khôn, ta xem chỉn lệ

Rắn ông Tồn ngang thế giới, người thấy ắt Dương 揚.
存

141 Cây bách là lòng, thác ra (𠹚) trước phải phương thái bạch

Bính đinh thuộc hỏa, lại ra thể (吕) sau lối hướng thiên-cang 天罡→罡

gạo 廬陵 (xem dưới 48/230下 5: 清源米價. Tăng hỏi 清源: 如何是佛法大意 — đáp: 廬陵米作麼價»
lời 萬松 bình: 有者道: 廬陵米價不許商量.

Chém chó 48/232中 9: 南泉斬猫

Rắn ông Tổ 48/242下, 24: 雪峯看蛇: Tuyết phong nói với chúng: « 南山有一條鱉鼻蛇, 汝等諸人切須好看

Trâu thủy 牯. 48/270中. 69: 南泉白牯. Thủ tọa hỏi: « Hòa thượng sau 100 tuổi sẽ đi đâu? — Đáp: ở dưới núi làm — 頭水牯牛去 — hỏi: « Tôi muốn theo ~~Hòa~~ có được không? — Đáp: « muốn theo ta thì phải ngậm một ngọn cỏ lại...

Trúc bề 48/298, [無門關] 首山竹篦: Thủ sơn hòa thượng đưa 竹篦 cho chúng xem, nói: « Nếu các người gọi cái này là trúc bề thì 觸, nếu không gọi là trúc bề thì 背. Thử thì gọi thế nào?
Sách 無門關 làm đời 宋 淳祐丙子 (安晚居士)
(首山念 xem 312中 古風穴沼

~~Tam~~ Tam 玄 三要 xem 人天眼目 (Số 2006) Tam Tạng 48/301T! Sách này có nói rõ về các phái

· Cây Bách là lòng?: (xem (226) 萬松老人評唱天童覺和尚, 三藏 48/256下 mục 47則: 趙州柏樹
Tăng hỏi Triệu Châu: « Ý của tổ sư từ Tây tới là gì? » — đáp: 庭前柏樹子.

143. Trà Triệu-lão, bánh Thiều-dương, bấy thiền-tử hãy còn đói khát 趙老. 韶陽

Ruộng Tào-khê 漕溪 vườn Thiếu thất 少室, chúng nạp tăng 訥→衲 những để liu hoang

145 Gieo bó củ, nảy bông đen, nhân mằng 芒 mới nất? 涅 (thấp?).

Lộc đào-hoa nghe (喧) tiếng trúc, mạo vẻ 髱 (?) mãi sang.

<u>Tóm ý hồi 9</u> Các tổ tuy mỗi người tu mỗi cách, nhưng chẳng khác nhau. Bắt đầu kể từ Đạt-ma Tổ Ấn độ sang Trung quốc giảng đạo lý cho vua Tùy rồi tới ở chùa Thiếu lâm, thác, ~~mộ táng~~ có lưu mộ tg ở núi Hùng nhĩ

化城: phật gia ngữ; nói thành quách chỉ trong một lát mà hoá nên. Ví dụ như Nát bàn ở Tiểu thừa. 法華经 化城喻品: « Đạo sư 導師 dùng nhiều phương tiện. Trên con đường gian hiểm, cứ 30 do tuần (nhật trình) làm phép hóa ra một thành phố. Bây giờ những chúng sinh mệt nhọc, lòng rất vui mừng, vì chưa từng có như thế » Xét rằng: đạo sư là nói Phật, hoá thành là ý nói Phật thuyết về Nát bàn tiểu thừa. Ý là Phật muốn tất cả chúng sinh đều tu đến được phật quả. Nhưng mà chúng sinh sợ khó. Cho nên trước hết, Phật ~~tạm~~ dùng phương tiện, tạm thuyết về Nát bàn tiểu thừa, để chúng sinh tạm nghỉ ngơi đã. Đó là nghĩa hai chữ 化城

Hội thứ mười

Tượng chúng ý

147. Cốc một Chân không

Dùng đời căn khí 根器

29a 149 Nhân lòng ta vướng ~~giúp~~ chấp khôn//thông

Há có Tổ nay còn thửa bí

151 Chúng tiểu-thừa cỗ hay chưa đến, Bụt xá ngắn báu sở hoá thành 化城
寶 所

Đứng thượng sĩ chứng thật mà nên, ai ~~cây~~ ghẽ 技 có sơn lâm thành thị

153 Núi ~~hoang~~ hoa rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu
羔 . 荒 dao

Chiền vắng am thanh, chỉn thật cảnh đạo nhân du hí

155 Ngựa cao tàn cả, Diêm vương nào kể chửa 打 nghênh-ngang.

Gác ngọc lầu vàng, ngục-tốt thiếu chi người yêu quí

157 Chẳng 拯 công danh, luống (Sủng) 寵 nhân ngã 人我 thật ấy phàm ngu

Say đạo đức, rời thân tâm, định nên thánh trí

159. Mày ngang mũi 面 dọc, tướng tuy lạ xem ắt bằng 凭 nhau

Mặt thánh lòng phàm, thật cách nhân vạn vạn thiên lý 千里.

Kệ vân:

居塵樂道且隨緣。飢則飡兮困~~眠~~則眠
家中有宝休尋覓。对境無心莫問禅.

Ở trần vui đạo, thong thả tùy duyên
Đói thì ăn (no), khốn thì ngủ (hiền)
Trong nhà có báu, ~~Khỏi~~ (thường đi) đi tìm kiếm
Đối cảnh vô tâm, chớ có hỏi Thiền

Tôi dịch: " Ở Trần vui đạo, rỗi theo duyên
Hễ đói thì ăn, khó ngủ liền
Có báu trong nhà, không phải kiếm
Bình ~~lặng~~ lòng trước cảnh, hỏi chi thiền "

ĐẮC THÚ LÂM TUYỀN THÀNH ĐẠO CA

1 Sinh có nhân-thân 人身
Ấy là họa cả
3 Ai hay cốc được
Mới ốc 沃* là đã. đ: rằng
5 Tuần mấy 尼 mà ngâm*, ta lại xá 赦 tả đ: ngâm
Đắc ý cong* lòng, cười riêng 貞 hả-hả. trong
9 Công danh chẳng trọng, phú quí chẳng màng
Tần Hán xưa kia, xem đã nhàn hạ 閑夏
13 Yên bề phận khó, kiếm chốn dưỡng thân
Khuất tịch 屈寂 non cao, náu mình sơn dã.
17 Vượn mừng hủ-hỉ, lâm [illegible] bạn cùng 共 ta
Vắng vẻ ngàn kia, thân lòng hỉ-xả.
30 a 21 Thanh nhàn vô sự, quét//tước đài* hoa đ: thay
Thờ phụng bụt trời, đêm ngày hương-hỏa
4 (25 Tụng kinh niệm Bụt, chúc thánh khẩn cầu
Tam hữu 有 tứ ân, ta nguyện được blả 把
4 29 Niềm lòng vặc vặc, giác-tính quang-quang
(Chẳng còn bỉ thử, tranh nhân chấp ngã

33 Trần duyên rũ hết, thị phi chẳng hề

煉
Rèn một tấm lòng, đêm ngày <u>đon đả</u>

37 Ngồi <u>cong</u> trần thế, chẳng quản sự thay 世 (đ: việc đời) (đ: thay)

Vắng vẻ ngàn kia, dầu lòng <u>dong</u>-thả 客且 (đ: thong)

41 Học đòi chư phật, cho được <u>viên-thành</u>

Xướng khúc <u>vô sinh</u>, yên thiền <u>tiêu sá</u> 安禪潇洒

45 Ai ai <u>xá cốc</u> , bằng huyễn (ảo) 幻 chiêm bao

Sẩy tỉnh giấc hoè, châu li 漓 lã-chã

49 <u>Cốc hay</u> thân huyễn (ảo), chẳng khác phù vân

Vạn sự giai không, tựa dường <u>bọt bã</u>

53 Đem mình náu <u>tới</u> 細, cảnh vắng ngàn kia

306 Dốc chí tu hành, <u>chỉ 紙 // sồi 纑?</u> <u>bá-bả</u> (bửa) 绨把

57 Lành người chẳng chở (đ: giữ), dữ người chẳng hay (đ. giữ)

Ngậm miệng đắp tai, hề chi họa cả

61 Yên thân lập mệnh, thời-tiết nhân-duyên

Cắt thịt phân cho, Dụ là chim cá

65 Thân nầy chẳng quản Bữa đói bữa no

Địa thủy hỏa phong Dầu (mặc) là biến hoá

4 69. Pháp thân thường trú Phổ mãn thái hư
Hiển hách mục tiền Viên dung loả loả khoả
圓 融 躶 匕

4 73 Thiền tông chỉ thị Mục kích đạo tồn
Không cốc truyền thanh, Âm hưởng ứng dã 也.

77 Phổ người học đạo. Vô số nhiều thay 世 đ: số
Trúc hoá nên rồng Một hay (咍) ~~hai~~ là họa,

81 Bởi lòng vồ vập (為曰) Trở bác làm nam đ vạy vò
nhất chỉ 一指 đầu thiền. Sát na yết khả đ hết cả
剎 那 謁 可.

Kệ rằng.
景寂安居自在心　凉風吹進入松陰
禪床樹下一經卷　两字清闲勝万金

Cảnh vắng ở yên lòng tự tại
Gió mát thổi đến lọt bóng tùng
Giường thiền dưới cây, một quyển kinh
Hai chữ Thanh nhàn hơn vạn nén vàng.

Lời dịch Cảnh vắng thân yên tự tại lòng
Hiu hiu gió lọt bóng ~~tùng~~ thông
Dưới cây giường đặt, kinh vài quyển
Hai chữ an nhàn, thắng vạn vàng

(I)

3. Thụy 瑞: điềm tốt. Chim thụy trỏ phượng hoàng, điềm tượng đời có thánh nhân
5. Bầu: bầu rượu của khách du lịch Đủng đỉnh: dề thong thả
Giang: CN: giáng?
7 Phúc địa: 福地: đất Tục truyền có thần tiên ở
8 Thiền thiên 禪天: bầu trời tịch mịch thanh tĩnh thuận cho việc tu thiền
ý: Bỏ trần tục, lên ở chùa Hoa yên. ~~Cảnh trí~~ Ngao du với núi. Cảnh tịch mịch đáng có thần tiên - thật là nơi thích hợp cho sự tu thiền

(II) 9. Chữ Hoàng liên 黄蓮, nghĩa đen Sen vàng. theo sự đối với vế dưới: phải đọc nôm Vàng lên 蓮 → 蓮: vàng hiện
11 Đền hoàng điện là cung vua. Nghiêu: vua thời cổ trị an rất giỏi; trong nước thái bình vui vẻ
12 Đường Thục: đường treo núi quanh co khó đi như đường từ vùng Hoàng hà vào đất Tứ xuyên
13 La đá (xem trang cổ): đá - Thê 梯: thang - ~~Đó~~ Chỉ ~~đọc~~
Uốn 𢫕 thế (xem ~~đọc~~ có nên vịn chữ!) - Hoặc giả đó là "ôm"
CN đọc "La đá tầng thanh, ~~dưới~~ một hơn vến vẹn một hơn"
14. ~~Nguyên~~ ~~Sơn~~ Nguyên viết: "Dòng nước suối..." So với vế trên thấy thừa một chữ hoặc vế trên thiếu một chữ. Vậy có lẽ ~~nguyên~~ hoặc ở đây không có chữ nước, hoặc vế trên đã bỏ sót. Hoặc vế trên là "La đá tùng đến thê dốc".
CN: "Dòng nước chảy..." - Đơi: ~~thay~~ từng: nhiều
15. Cổ chiêu. Nôm viết 古朝 cho nên NC: ~~đọc~~ cổ miếu 古廟. (Bản VN chưa chắc?)
Lướt 律 (NC: lọt) - Đượm 覃 (âm ~~đọc~~ đàm 覃, NC đọc ~~đàn~~ đàn 彈)
tôi hiểu là "thắm màu", tươi màu.
16. Đắm 淡 (âm đạm) ướt. - thúc thúc 束束. ~~nay~~ thấy nay ~~mất~~, có thể đọc thước thốc
17 Cánh phượng tên một ~~cảnh~~ dãy núi - Đoá: hoa.
18 Tưới 洒: xối, ~~nước~~ vọt nước ra - Hàm rồng: tên một suối trên đường lên Hoa viên (~~xem trang~~ có tên chữ là Long hàm (xem trang 5) - ~~nhà~~ ~~... chữ đọc~~ ~~trên đối với chữ này là 園 vẫn~~ viên ~~không~~ cần. - Lộ châu: hạt ~~có~~ pha lê tròn trỏ ~~phun~~ giọt nước phun tung toé. - ~~Mây mau~~ Hột san 珴珊: hạt san hô - Mục mục 目目. Trong cổ nay không còn: trỏ tiếng hạt nước rỏi chăng? ~~Hai~~ chỗ hai cuối hai vế 17, 18 đối không cần. Hoặc sao chép có lầm chăng? | NC hiểu đó là tả sắc trong |
19. Nhựa 预 (NC: mùa - VN chưa?) Hổ phách là nhựa thông ~~lâu~~ chôn lâu đời dưới đất // 20) Đồng ~~đồng~~ đồng nhiều; Hoa: cả? (NC: giống)
𢫕: uốn: hình như
21. Bồ lao chuông - thốc: đánh bảy cái chày đâm vào thân chuông. - Vật ~~đoạt~~ đoành gió thổi đập vào cành lá đụng nhau kêu to. ~~...~~
22 Nhiều Bối diệp: tranh lá kè. Lá kè cũng dùng để chép kinh ~~...~~ xưa ở Ấn độ và cái nước lau cau. - Tuệ tuệ 濊濊 Trong cổ nay không còn: có lẽ trỏ ~~đang~~ tiếng suối và tiếng nước chảy

AN TỬ SƠN TRÚC LÂM ĐỆ TAM TỔ HUYỀN QUANG

Tôn giả vịnh Hoa yên tự phú

(Thiền tông bản hạnh - 31a)

Bát vận thể

I

1 Buông niềm trần tục

Náu tới Hoa-yên 花煙

3 Chim thụy* dởi 唯 tiếng ca chim thụy 瑞

Gió tiên 僉 đưa đôi 隊 bước thần tiên

5 Bầu động-đình* giang 杠 hoà thế giới đ giăng

hài Giày 鞋 thong-thả dạo 道 khắp 泣 sơn xuyên

7 Đất phúc địa nhìn xem luống 隴 kể, kể bao nhiêu dư trăm phúc địa

Trời 秢 thiền thiên đ. gặp hiệp thu thửa lạ, lạ hơn 軒 ba ~~mươi~~ sáu thiền-thiên 禅天

II

thấy đây

31b 9 Đất tựa // hoàng-liên 黄蓮 (vàng lên) đ liền

Cảnh bằng ngọc đúc 篤

11 Mây năm thức che phủ đền Nghiêu

Núi nghìn tầng quanh-co đường Thục.

đ lớ 13 Lá-đá tầng lần? thế lên(?) dốc đ: đúc, một 没 hòn vằm đ: vẻn vẹn 揾 vịn 扞 một hòn

đ mước Dòng nước suối chảy ~~thăm~~ lăn 瀾 sâu, đôi khúc những dò đôi khúc.

tả cảnh ~~bốn~~ núi chung quanh chùa: khi giời nắng tốt ~~chuông~~ lên, núi rực chung quanh, suối nước.
và ~~cuối cùng tả~~ cái chùa am, khi ~~tan~~ mưa gió

罩 có âm là điểm (以冉切音黬) Từ Nguyên đảm

III. 23. ~~Hoa~~: vẽ. (NC. hoa)
25. Chủ ấy: ~~tha~~ Hắn là.
26. Nhẽn chi: Hèn chi. Trong có hèn nói là nhẽn (NC: nhãn)
Vua Bụt: vua Trần Nhân-tông tôn là Giác hoàng điều ngự chủ phật
28 Bấm 泛 ~~đánh đàn~~ tấu nhạc như đánh đàn, thổi sáo (NC. phiếm)
29 Ngự sử Mai: Hoa mai tượng trưng trong bầy của làm hôn quan ngự sử là như để can gián vua và đàn hạc các bầy tôi

珊: san hô (?) — sẵn: nhặt

30, Trượng phu Tùng. Tùng là cây cứng rắn, chịu rét tượng trưng hợp kẻ trượng phu. (Đây tả cảnh như cảnh ở triều đường của vua Trần)
31. Phỉ thúy 翡翠 chim sả (thay loan phượng) lông cánh đẹp
32. Tử-vi 紫微. Bông hoa ~~đ~~ màu tía nở từng chùm to, tượng như công khanh mặc áo trào.
33. Ỏ Ỏ: gọi (NC đọc óc vì thật ngữ eo-óc) Hai vế 33, 34 muốn chỉ ~~đoạn~~ hình ~~và cảnh Phật~~ huyền thoại về cảnh chùa để tả phật-tử tới tham thiền.

Đoạn này tả riêng cảnh chùa Hoa nghiêm và nhắc lại cảnh khi vua Trần Nhân-tông lên ~~tu~~ tu thiền ở đó.

(IV)

đ: cổ miếu

15 Cổ chiền 古朝 gió 僉 lọt đườm: 覃 vui vui 歪..

đ: đậm

Non tạnh mưa đầm 淡 màu thúc-thúc 束 (蹙?)

vầy 圍→围?

đi

17 Ngàn cây phi 披 Cánh-phượng, vườn thượng-uyển đóa tốt rờn rờn. 筵 ⺀ đ: dồn dồn

tươi!, đ: miệng (?)

Hang nước tươi (?) 泗→洒 Ham rồng, nhả 吔 li châu 璃珠 hột sẵn 珊 mục mục 目 ⺀

Nhưng

19 Đinh (頂→顶) đông hổ phách, sáng 朗 khắp rừng thông

đ: giống

Da điểm đồi mồi, đồng: 董 hòa vườn trúc

21 Gác vẽ 尾 tiếng bổ lao thốc 秃, gió vất 勿 (vất vứt?) dành-dành 停 ⺀

貝.茱

Đền ngọc phiến bối điệp che, mưa tuôn túc túc 潚 ⺀

đ: hoa

III 23 Cảnh tốt hòa lành

Đồ tựa vẽ tranh

25 Chín ấy trời thiêng mở 騃 khéo (mở)

đ: phần

32a Nhân chi vua 桐 Bụt tu // hành (Hèn chi..)

27 Hồ sen trương tán lục, ~~suối trúc bấm~~ ~~đàn tranh~~

Suối trúc bấm đàn tranh

đ: phiền

29 Ngự sử mai hai hàng chầu rập 拉

Trượng phu tùng mấy trịnh 鄭 (đáng 鄧?) phò
quanh 索
chạnh

31 Phỉ thúy sắp hai hàng loan phượng

Bể vi bày liệt vị công khanh

33 Chim ốc 沃 bạn cấn 哏 hoa nâng cúng

Vượn bồng con kề cửa nghe 宜 kinh

35 Nương am vắng, bụt hiện từ-bi, gió hiu hiu, mây nhẹ nhẹ.

Kề 䁈 song thưa, thầy ngồi thiền định, trăng vặc vặc, núi xanh xanh

IV Hướng chi

37 Vân thủy bằng lòng

Yên hà phải thú

39 Vui thay 世 cảnh khác cảnh hoàng kim

Trong thay đường hồn 軒 đường cẩm tú

41 Phẩn Ân ái, am Não 惱, am Long 龍

Dứt nhân duyên, làng Nương 娘, làng Mụ 姆

43\. Mặc cà-sa, nằm 南 trướng giấy 紙, màng chi châu đầy lẫm, ngọc đầy rương

32b Quên ngọc-thực, bỏ hương // giao 香醪, cấp ninh [ranh] 扱寧 cả một 沒 dở 瘉 [đ: dở (vỡ)] hương một lọ 瓕 (hũ) (lọ)

45 Tập 集 [đ: chẩm] (? chim ?) tiết dương tiếng nhạc dở truyền

Với la đá [đ: là] tính tứ 慈 chẳng 庄 đố 妬.

47 Xem phong cảnh hơn 軒 cảnh ba đời [Rơi] 𨆢

Phong [đ. Buông 封] tay cầu 梂 chưng 徵 cầu thượng Ngự 尚寓

49 Bao nhiêu phong nguyệt, về cõi vô-tâm

Chơi dấu 制酉 nước non, dưỡng đời thánh-thọ

V

Ba nay

51 Ngồi đình Vân-tiêu 雲霄

Cưỡi chơi Cánh Diều

53 Coi Đông sở tựa hòn Kim-tuyến [lục] lục 綠

Xem Nam-hải tựa miệng 四 con ngao

55 Nức đài Lan ngửi [nghỉ] (擬) hương đan-quế

Nghe Hằng-nga thiết 設 khúc tiêu thiều 嘯韶

57. Quán 覓 thất báu vẻ bao bụt hiện.

Gió lục châu [thù] 六銖 tiếng gió tiên phiêu 僊飄

59 Thầy tu trước đã nên Phật quả

Biểu tu sau còn vị tỉ-kheo

VI Thầy đây

61 Hồ-thiên rễ-rễ [đ: lễ lễ] 礼

Xem lâu 婁 có nhẹ 固耳

63 Tuy rằng học đạo hư.vô 虛無

33a Ngẫm // ngọt [đ ngọt] 吟兀 hỏi thiền ngôn [đ. .] nghĩ 言㨿

65 Mĩa 𦖻 một tấm lòng xét chẳng cũng (... một xét....)

Chác 再 tấc bóng, nghìn vàng còn lẽ [rẻ] 哩

67 Hẹn đến lâm tuyền làm 溫 bạn. (........) bảo rằng ưa, [ưa hơ] ~~hãy~~

Hãy ~~đua khoái lạc, chân~~ b

~~Hãy đua khoái lạc~~ (mất một vế)

69 Đua khoái-lạc, chân bước lầm chăm [đ. lăm chăm]

Nhuốm phồn-hoa, đầu đã bạc tỉ [đ: tỉ] (?) 徙

71 Chẳng những viễn hạc thốt thề

Lại phải cỗ 𠸍 hoa cười thủy [đ: thỉ] 始 (Thỉ = chút?)

VII Từ đến đây

73 Non nước đã quen

đ. Người?
Ngày 㝵 từng mấy phen

bến
75 Đầu khách dễ nên biến bạc

Mặt non hãy một xanh đen

77 Hồ nước già 這 濾 là lọc nước

trai / đ: gài
Cửa trái? 棹 cày phên trúc cài then 杆
杵 / 桜

79 Đàn khúc nhạc tiếng khong 啌 biêu-đỉnh 薄頂

格 / 礼
Vỗ tay ca cách lễ lạ liên 䢎連 đ: vận lên
đ. vận

đ. lạ
VIII Phen nhừng ôi 番仍喂

81 Cây trúc nhường nào

Nam-châu có mấy

83 Non Lĩnh-thiều ai đem về đây

Cảnh Phi-lai mặt đã thấy đây

85 Vào chùng 徵 cõi thanh thênh-thênh

Thoát rẽ 礼 lòng phăm phẩy phẩy 倍:(phơi...)
đ: thảy thảy

87. Bao nhiêu phong nguyệt, thế thốt chẳng cùng
Hệ cảnh giang sơn, ai nhìn thấy đấy. (~,)
89 Ví trước nhẫn sau
Thấy sao chép vậy

Kệ vân

~~攫空汰汰盎繁花~~

91 Rũ không thảy thảy áng phồn-hoa
Lấy chốn thiền lâm làm cửa nhà
93 Khuya sớm sáng chong đèn Bát-nhạ
Hôm mai rửa sạch nước Ma-ha
95 Lòng thiền vặc vặc trăng soi giại 新
Thế-sự hiu hiu gió thổi qua
97 Cốc được tính ta nên Bụt thật
Ngại chi non nước cảnh đường xa.

Mã Tổ 馬祖: cao tăng đời Đường, họ Mã, nối dòng Thiền 南嶽. đời 懷讓.
mất năm 唐貞元 thứ 4 (Xem 唐高僧)

Bàng uẩn 龐蘊 người đời Đường, nhà rất giàu, vứt hết của báu xuống sông mà theo học đạo thiền với Mã Tổ, thường gọi là Bàng cư sĩ

nối 17 65- Bát thức 八識: tám điều nhận biết môi trường bởi 眼,耳,鼻,舌,身,意,末那 (suy luận), 阿賴耶 (tâm)
Bát phong 八風: tám điều có thể làm lay chuyển lòng người: 利 衰 毀 譽 稱 譏 苦 樂 (được, suy, bị chê, được khen, được ca ngợi [illegible], đói khổ, ...)
cũng gọi là 八法 — Bội 倍: gấp thêm lên

66. Rẽ tam huyền 挑三玄: phân tích ra 3 thứ huyền lí theo phép Lâm tế: thể, cú, huyền
~~trong~~ Mỗi huyền lại gồm tam yếu: lí, trí, phương tiện. Vì thế mà có:
Nòng tam yếu: nòng là lồng vào trong — Ma 麼: mà. Dùng chữ Hán như tiếng nôm. Xem .. 64

67. Huyền 弦: dây đàn — Xá: hãy xem — Dầu 冉. Đ viết Sách, có lẽ vì bản V đã làm ~~曲~~ 冉 ra 冉 — Vô sinh khúc 无生曲: có lẽ tên một khúc đàn có ý nghĩa Phật giáo: Không sinh không diệt là bác tu đại đạo — Xoang 腔 gảy ~~đàn~~ thành bài nhạc

泛 68 Bấm: đặt đầu ngón tay xuống ~~để~~ bịt lỗ sáo (địch) để đổi âm. Đ đọc phiếm ~~(phiếm chơi: chơi phiếm)~~ và thích: tức là thổi sáo.

69. L 挑 — Câu chi trưởng lão 俱胝長老

Khuông 誑: không nghĩ tới đầu mút thực mà lại cho cái bóng là thật: dịch bởi chữ
70 Chấp 執 — Kham 堪 có thể, nên — Diễn già đạt đa 演若達多
chuyện người này khi thích mặt mình thì đứng vào gương bên thấy mặt. Nhưng khi ~~quay~~ tìm trời mất mình thì ~~quay đầu không nhìn gương~~ thì mặt mình biến mất mù lòa mắt, bèn cho là ma quỷ ~~hiện mình~~ liền chạy như điên

71 Quyển 圈: nghĩa là cái vòng Đ đọc Khuyên. Vế này và vế sau quan hệ với câu kệ của Dược-Kì thiền sư: Lọt qua vòng Kim cương - Nuốt được quả vỏ gai 透得金剛圈, 吞得栗棘蓬 ý là thoát khỏi những chướng ngại để giác ngộ. Ý có thể là: Mình chẳng phải là người giải thoát qua các chướng ngại cho nên nóng lòng.

72. Nuốt 訥: xem câu kệ ở 71. — Xước 綽 ~~chữ~~ âm Hán là xước, đọc nôm như vậy thì có nghĩa làm sạch, tróc da. Nhưng âm rước trong sách này đều viết với chữ ấy vì nguyên âm xưa chắc là srước. Nếu đọc rước tướng da thì không hiểu nghĩa vì không biết điển tích gì? Nếu tướng ~~da~~ chỉ có nghĩa là ~~mặt da~~ ~~tướng dạng của da~~ như da, ~~mặt da~~, thì vế này có thể là: nào ta có thể nuốt trôi được các vọng niệm mà không bị xước như da. Vì hai vế này, Đ giảng cũng không xuôi. Chung qui, ta phải nhận sâu văn này không rõ ý.

tóm ý. Phật ở tại lòng ta, chứ không phải đi tu ở nơi đâu xa mà tìm được. Ta hãy đọc sạch thiền, nghe giảng thiền, chống thị dục, sống thanh bạch ở gian dị. Đừng để các điều nhận thức từ ngoài làm rối lòng, hãy tìm

đạo lí xa sâu. Tuy không đủ phương tiện, nhưng cũng tìm hiểu lẽ vô sinh diệt và ~~tầm~~ giữ tâm thái bình thanh tịnh. Hết mèo như vị cao tăng tìm đạo mà ~~khắp theo~~ chê cười như kẻ mê si. Qua lọt được mọi chướng ngại là khó, ta chớ nóng lòng vội vã mà lầm.

船子Hs. 華亭船子和尚 (Q.14 // DT. 51/315中) 名德诚，嗣藥山
曾於華亭吳江泛一小舟

三祖语録, 第二祖 法螺

Sinh 绍宝 6, G.Thân 1284 (陈仁宗)

(16b) Gặp 仁宗 兴隆 12. G.Thìn (1304) Nhân tông đi các nơi, đi xem các đạo, trừ dâm
(17a) từ, thí giảng pháp, chữa các bệnh nghèo và cứu có ý cầu pháp-tự. Vừa qua
南栅江, sư bấy giờ đi xa, thấy ~~đầu~~ đau khó chịu mà trở về làng (九黑狱. 南栅江, 同和村金) Khi qua Hải N.Tg đi qua thôn. Bèn làm lễ chào và xin xuất gia. Nh thấy cho là lạ và nói: Gã này có Đạo hãn, sau sẽ thành Pháp khí. Hai mươi thầy trò y tới xin, cho nên đặt tên 善來.
[Sau đó, sư tới 灵山麒麟寮 cắt tóc, học với 琼馆性亮] Lại theo Huệ Kiềng về tham gia Phật.tông. Gặp lúc Nh tông lên chùa tụng 太阳乌鸡. Sư có đáp. Nh tông cho theo hầu và học hỏi được đại ngộ. Sư bèn tu 12 đầu đà hạnh
(17b) Nhân tông ở Kỳ Lân 寮 năm 兴隆 13 (1305) ban hiệu 法螺 cho sư. Năm ấy 玄光 cũng bắt đầu xuất gia
(18a) Nhân tông trụ trì ở 超类报恩寺 năm 兴隆 14. B.Ng (1306) lấy sư làm 讲主 và cho 玄光 theo hầu vua.
Năm sau 丁未 (1307) Nhân tông trụ trì ở 天宝苑, thg 4 giảng 大慧语録 cho
(18b) sư. Thg 5 Nh tông lên 卧雲峰顶 trú ở Am, ngày rằm truyền y bát cho sư
19a Năm 戊申 (1308) ngày 1 tết sư được mệnh tới trụ trì chùa 超类 (报恩?) làm lễ khai đường 开堂 lời. Có Anh tông tới. Nhân tông lìa đàn thuyết pháp và giới thiệu Pháp Loa làm pháp-tự, lại ban cho 100 hòm sách kinh và ngoại thư và 12 hòm đạo tay viết kỹ mai (?), cấp ruộng nhiều

20a Thg 11 Nhân tông mất ở 卧雲庵, Pháp Loa hộ tống xá lợi đến Kinh

22a Năm 兴隆 21 癸丑 1313 Anh tông đem các vị 三宝 ở cung 圣慈 để trụ trì chùa 报恩 ở Siêu loại

Toàn thư

己亥 1299. thg 7. Chùa 安子御藥庵

6/7a thg 8. Nh-tông từ Yên 安長府 trở lại xuất gia, vào 安子 tu khổ hạnh

8a thg 8. ấn hành 佛教法事道場新文 và 公文格式 để ban cho 天下.

辛丑 1301 thg 2. Chiêm thành tới cống

16a/b thg 3 上皇 du phương, đi 占城

thg 11 上皇 từ 占城 về

17a 癸卯 1303. 15/1 上皇 ở 天長府, dựng 無量法會 ở chùa 普明, đem vàng bạc tiền vải chẩn cấp dân nghèo trong nước

17b thg 10 段汝諧 trước lúc đi sứ 占 tới chào 上皇 ở chùa 崇嚴 tại 至靈山

20a 乙巳 1305 thg 2. sứ Chiêm là 蒲苴 tới xin cưới con gái vua. 文肅王 道載 và 陳克終 tán thành

21b 丙午 1306 thg 6: gả 玄珍 cho 制旻 là vua 占

Trước đó, khi 上皇 du Chiêm đã hứa gả con gái cho vua Chiêm

22a 丁未 1307 thg 10. 陳克終 đi cứu 玄珍公主

23b 1308 thg 8 玄珍 về đến Kinh. 上皇 sai chùa hai 什伕 đưa thuyền chở 300 người Xiêm về nước

mấy 3 thg 11. 上皇 mất ở 安子山 臥雲庵

22a Bấy giờ 上皇 xuất gia ở ~~[illegible]~~ nhà 紫霄 thuộc núi 安子, tự hiệu là 竹林大士. Chị là 天瑞 bị bệnh nặng, T.H. xuống núi thăm chị, và bảo: «thưa chị, nếu chị ~~mất~~ giờ mất đến, phải đi, đến cõi Đối-tấm, có người hỏi chuyện thì trả lời rằng: xin đợi một tí em tôi là 竹林大士». HT vừa đến liền trở về núi. Đau, bỏ chuyện sau cho kẻ hầu là Pháp Loa, rồi im lặng mà mất. Khi thụy ngày ấy cũng mất. Bọn Pháp Loa đem ~~thiêu~~ lửa hoả đàn, thiêu được hơn 3 nghìn hạt xá lị, vân vân.

14 <u>Phá Táo Đọa</u> 破灶墮 (51/232 T.) ở 嵩岳. Không xưng tên, ngôn hạnh không thể lường. Trong núi, có chỗ có miếu thiêng lắm. Trong điện chỉ có một cái bếp. Gần xa tới tế không ngớt, giết hại rất nhiều súc vật. Một hôm, sư đem người tăng hầu đến, lấy trượng đánh bếp ba lần, mắng cái bếp: «Bếp chỉ là đồ bởi bùn với gạch xây nên. Thánh từ đâu đến - Thiêng bởi đâu có, mà lại giết nhiều sinh mệnh!» Rồi lại đánh ba cái. Bếp bèn bị vỡ đổ. [An Quốc sư gọi sư này là Phá Táo Đọa]. Một giây sau, có một người đội mũ xanh thình lình tới lạy trước sư. Sư hỏi: «Người này là ai» — Thưa: «Tôi là thần bếp ở đây. Chịu nghiệp báo đã lâu. Nay nhờ ngài thuyết cho đạo vô sinh, cho nên được thoát khỏi chốn này mà sinh ở trời. Cho nên đặc biệt tới cảm ơn.» — Sư bảo: «Đó là người vốn có phật tính, chứ không bởi vì ta đem lời thuyết mà nên».

Huệ-năng họa kệ Thần Tú:

Xem Truyện Tổ 32. 弘忍 (Đ.51/222 ㄒ) ở 破頭山, đời 咸亨, có một cư sĩ họ 盧 tên 慧能, từ 新州 đến tham-yết. Sư hỏi: «người từ đâu đến» — Trả lời: «từ 嶺南» — Hỏi: «muốn tu để làm gì?» — Trả lời: «chỉ cầu thành phật. — Sư nói: «Người Lĩnh-nam không có phật-tính. Sao mà làm Phật được» — Đáp: «Người ắt có Nam Bắc. Phật-tính há lại như vậy» Sư biết đó là một người lạ đặc biệt, bèn nói lớn bảo: «Hãy xuống xưởng làm việc» NĂNG chào vái xong bèn lui, rồi nhập bọn giã gạo mà ra sức làm việc, đêm ngày không nghỉ trong 8 tháng.

Sư biết rằng đã đến thời phải truyền pháp; bèn bảo tăng chúng rằng: «Chính pháp khó giải. Không phải chỉ ghi lời ta dạy rồi giữ làm ý mình mà thôi. Các người hãy mỗi người tùy ý làm một bài kệ. Nếu ý lời mà hợp ý ngầm của ta thì ta sẽ truyền y-pháp cho» Bấy giờ ở hội có hơn 700 tăng. Thượng tọa THẦN-TÚ, học thông nội ngoại. Các người đều tôn phục, đều cùng suy ưng rằng: «Nếu không phải là thầy Tú, thì ai đáng đương» Thần Tú trộm nghe chúng khen, thì không suy nghĩ gì trở lại, bèn viết vào vách hành lang một kệ như sau:

身是菩提樹　心如明鏡台　時時勤拂拭　莫遣有塵埃

Nhân khi sư đi qua, thấy kệ ấy và biết đó là THẦN Tú làm; bèn khen rằng: «Đời sau theo tu hành như vậy cũng có thể thành thắng quả»

Bức tường này, vốn muốn bảo xử-sĩ 盧珍 vẽ tướng Lăng-già. Nay thấy đề bài kệ ở vách, thì bảo thôi vẽ và bảo các người đọc bài ấy. NĂNG ở chỗ cối gạo chợt nghe đọc bài kệ, bèn hỏi bạn: «lời kệ ??» — Bạn đáp: «Anh không hay chuyện thầy tìm kẻ nối pháp, đã bảo mọi người làm một bài kệ thuật lòng mình? Bài này là thượng-tọa Tú đã làm, và được thầy rất khen. Chắc sẽ phó pháp truyền y cho thượng-tọa ấy» — Năng hỏi: «Kệ ấy ra sao

Huệ Năng họa kệ Thần Tú:

Xem truyện Tổ 32. 弘忍 (T.51/222下) ở 破頭山, đời 咸亨, có một cư sĩ họ 盧 tên 慧能, từ 新州 đến tham yết. Sư hỏi: «Người từ đâu đến» — Đáp lời: «Từ 嶺南» — Hỏi: «Muốn tu để làm gì?» — Trả lời: «Chỉ cầu thành phật.» — Sư nói: «Người Lĩnh-nam không có phật-tính. Sao mà làm Phật được» — Đáp: «Người thì có Nam Bắc. Phật-tính há lại như vậy» Sư biết đó là một người lạ đặc biệt, bèn nói lớn bảo: «Hãy xuống xưởng làm việc» NĂNG chào với xong bèn lui, rồi nhập bọn giã gạo mà ra sức làm việc, đêm ngày không nghỉ trong 8 tháng.

Sư biết rằng đã đến thời phải truyền pháp; bèn bảo tăng chúng rằng: «Chính pháp khó giải. Không phải chỉ ghi lời ta dạy rồi giữ làm ý mình mà thôi. Các người hãy mỗi người tùy ý làm một bài kệ. Nếu ý lời mà hợp ý ngầm của ta thì ta sẽ truyền y-pháp cho» Bấy giờ ở hội có hơn 700 ~~người~~ tăng. Thượng tọa THẦN-TÚ, học thông nội ngoại. Các người đều tôn phục, đều cùng suy xưng rằng: «Nếu không phải là thầy Tú, thì ai dám đương» Thần Tú trộm nghe chúng khen, thì không suy nghĩ gì ~~thêm~~ nữa lại, bèn viết vào vách hành lang một kệ như sau:

身是菩提樹 心如明鏡台 時时勤拂拭 莫遣有塵埃

Nhân khi sư đi qua, thấy kệ ấy và biết đó là THẦN Tú làm; bèn khen rằng: «Đời sau theo tu hành như vậy cũng có thể thành thắng quả»

Bức tường này, vốn muốn bảo cư-sĩ 盧珍 vẽ tướng Lăng già. Nay thấy đề bài kệ ở vách, thì bảo thôi vẽ và bảo các người đọc bài ấy. NĂNG ở chỗ cối gạo chợt nghe đọc bài kệ, bèn hỏi bạn rằng: «lời kệ ~~gì thế~~?» — Bạn đáp: «Anh không hay chuyện thầy tìm kẻ nối pháp, đã bảo mọi người làm một bài kệ thuật lòng mình? Bài này là thượng-tọa Tú đã làm, và được thầy rất khen. Chắc sẽ phó pháp truyền y cho thượng-tọa ấy» — Năng hỏi: «Kệ ấy ra sao